



Quảng Trị

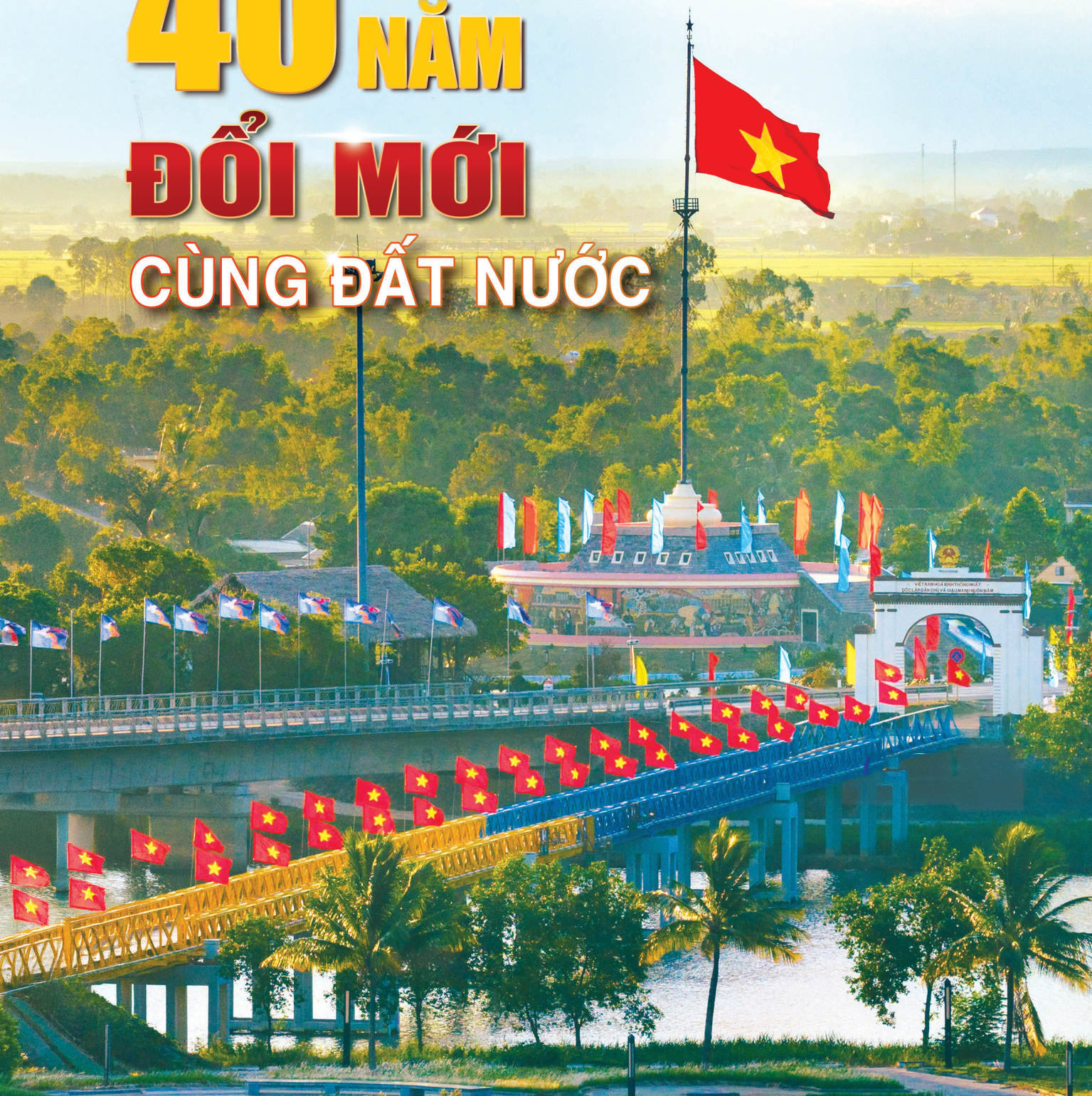
14

Tháng 8/2026

Cuối tháng

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH QUẢNG TRỊ
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

40 NĂM ĐỔI MỚI CÙNG ĐẤT NƯỚC





Hạc Hải tung cánh - Ảnh: LƯƠNG SÁNG



Quảng Trị

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH QUẢNG TRỊ
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

Đường Trần Quang Khải,
phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

Email: baoquangtri@gmail.com

Báo điện tử: www.baoquangtri.vn

Giám đốc

VÕ NGUYỄN THỦY

Phó Giám đốc

**NGUYỄN HỮU TOÀN, CAO TRƯỜNG SƠN,
NGUYỄN TỶ, NGUYỄN CHÍ LINH,
LÊ VĨNH NHIÊN, NGUYỄN QUỐC NAM**

Tổ chức sản xuất

PHAN ANH TUẤN, PHAN HOÀI HƯƠNG

Trình bày mỹ thuật

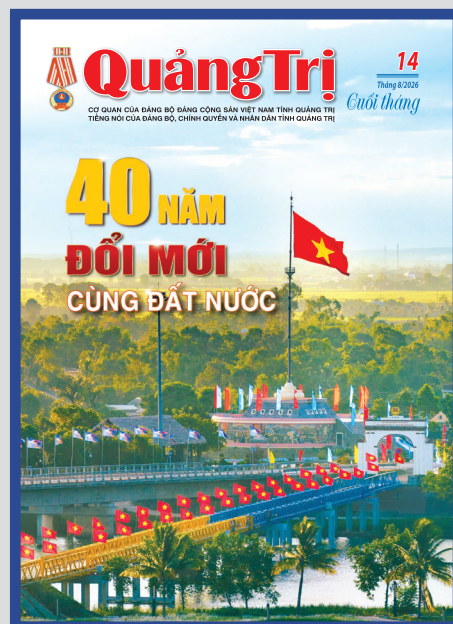
NGUYỄN HỮU HÙNG

Giấy phép xuất bản số 984/GP-BTTTT cấp ngày 30/6/2011 và Giấy phép bổ sung

số 678/GP-BTTTT cấp ngày 7/12/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

In tại Công ty Cổ phần In Quảng Bình.

Giá: 23.700 đồng



40 năm đổi mới cùng đất nước

- Ảnh: NGUYỄN HẢI

TRONG SỐ NÀY

Từ vùng đất anh hùng đến một Quảng Trị đổi thay	4
Đổi mới và kiên định, bài học vô giá	6
Nâng tầm công nghiệp, kiến tạo động lực tăng trưởng	8
Từ quyết sách táo bạo... đến phát triển nông nghiệp xanh	12
Những công trình mở lối tương lai	16
Giữ “căn cước” trong dòng chảy hội nhập	20
Tạo diện mạo mới cho kinh tế Quảng Trị	22
Đô thị xanh bên dòng Nhật Lệ	24
Con đường ấm no	32
Những mảnh ký ức thời bao cấp	42

Từ vùng đất anh hùng đến một Quảng Trị đổi thay



Đồng chí Nguyễn Văn Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Lê Hồng Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra các dự án tại Khu kinh tế Hòa La - Ảnh: Q.V

□ NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy

Từ gian khó đến nền tảng phát triển

Hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị trước đây là những vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, yêu nước và cách mạng, có vị trí chiến lược quan trọng trong tiến trình dựng nước, giữ nước của dân tộc. Sau khi được tái lập từ mái nhà chung Bình-Trị-Thiên, Đảng bộ, chính quyền và các thế hệ lãnh đạo hai tỉnh đã chủ động tranh thủ sự lãnh đạo, hỗ trợ của Trung ương, huy động các nguồn lực, phát huy nội lực, từng bước nhận diện và khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, đề ra nhiều chủ trương, quyết sách phù hợp với yêu cầu thực tiễn của từng giai đoạn.

Ngày 1/7/2025, tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị hợp nhất thành một tỉnh mới mang tên Quảng Trị. Đây không chỉ là sự điều chỉnh về địa giới hành chính, mà là một quyết sách chiến lược của Trung ương Đảng, thể hiện tầm nhìn dài hạn trong tổ chức không gian phát triển đất nước. Sự kiện ấy mở ra cho Quảng Trị một hành trình mới – hành trình hiện thực hóa khát vọng vươn mình. Một trong những bước chuyển quan trọng nhất của Quảng Trị sau hợp nhất là đổi mới mô hình quản trị, kiến tạo môi trường phát triển. Việc thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp được triển khai đồng bộ, bảo đảm thông suốt, không gián đoạn, không để khoảng trống pháp lý; bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Cải cách hành chính, chuyển đổi số được đẩy mạnh; chính quyền số, kinh tế số và xã hội số từng bước hình thành. Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đi vào hoạt động, giúp người dân tiếp

Từ một vùng đất từng chịu nhiều mất mát, hy sinh trong chiến tranh, Quảng Trị hôm nay đang chuyển mình mạnh mẽ. Trong những năm qua, đặc biệt là thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực vượt qua khó khăn, phát huy tiềm năng, từng bước tạo dựng nền tảng vững chắc cho phát triển. Với sự quan tâm, hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, những giá trị lịch sử, truyền thống của vùng đất anh hùng đã được hun đúc thành động lực và khát vọng vươn lên, đưa Quảng Trị từng bước trở thành vùng đất hòa bình, hội nhập, năng động và là cực tăng trưởng mới của khu vực miền Trung.

cận dịch vụ công ngay tại cơ sở. Phương châm xuyên suốt là chuyển từ tư duy “quản lý” sang tư duy “phục vụ”, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, coi chất lượng phục vụ là thước đo hiệu quả công vụ.

Mặc dù bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, song kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì đà phục hồi và tăng trưởng tích cực. Đến hết quý II/2026, tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn ước đạt 20.062,8 tỉ đồng, tăng 39,4% so với quý trước và tăng 24,9% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước đạt 6.895 tỉ đồng, bằng 54,6% dự toán Trung ương giao, đạt 50,6% dự toán địa phương giao và bằng 97,6% so với cùng kỳ năm trước.

Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 409 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký hơn 3.635 tỉ đồng. Thu hút đầu tư nước ngoài tiếp tục đạt kết quả tích cực. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 68 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đầu tư hơn 4,629 tỉ USD. Các dự án động lực quan trọng của tỉnh như Cảng hàng không Quảng Trị, cảng Mỹ Thủy, Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đang được đẩy mạnh triển khai, tạo dư địa mới cho tăng trưởng, từng bước hình thành các cực phát triển góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng, logistics và giao thương quan trọng của khu vực miền Trung.

Cùng với phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hóa-xã hội luôn được tỉnh quan tâm thực hiện. Với chuỗi hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch quy mô lớn, Lễ hội Vì Hòa bình năm 2026 tiếp tục tôn vinh và khẳng định giá trị

của hòa bình; lan tỏa thông điệp hòa bình đến Nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế; tưởng niệm, tri ân các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc; khơi dậy lòng tự hào dân tộc và tinh thần yêu chuộng hòa bình, đặc biệt đối với thế hệ trẻ.

Trong những năm qua, công tác giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả tích cực. Mỗi năm, toàn tỉnh tạo việc làm cho trên 34.000 lượt lao động, trong đó có hơn 8.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Các chính sách đối với người có công, người cao tuổi, trẻ em, người yếu thế và các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác giảm nghèo, phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được quan tâm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,1%/năm. Đặc biệt, chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát, hỗ trợ nhà ở cho Nhân dân được triển khai quyết liệt, thể hiện rõ tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Cùng với đó, tài nguyên, môi trường, đa dạng sinh học và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng được chú trọng. Phát triển kinh tế được đặt trong mối quan hệ hài hòa với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên.

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được triển khai mạnh mẽ, chủ động, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, biên giới. Quan hệ hữu nghị với các địa phương của nước bạn Lào được củng cố và tăng cường; hợp tác với các nước Cuba, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan,... từng bước đi vào chiều sâu. Các cơ chế hợp tác đa phương, như: EWEC, GMS, Diễn đàn Du lịch ASEAN tiếp tục được khai thác hiệu quả. Đối ngoại Đảng, ngoại giao kinh tế, đối ngoại nhân dân đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao vị thế của tỉnh, huy động nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế, thương mại và du lịch.

Chung sức đồng lòng, tự tin bước vào chặng đường mới

Từ vùng đất từng trải qua những năm tháng chiến tranh khốc liệt, Quảng Trị hôm nay đang viết tiếp hành trình phát triển trong hòa bình, hội nhập và khát vọng vươn lên. Dấu mốc hợp nhất tỉnh và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp mở ra một không gian phát triển rộng lớn, đồng thời đặt ra yêu cầu mới về tư duy, phương thức lãnh đạo, quản trị và tổ chức thực hiện.

Không gian mới tạo điều kiện để Quảng Trị phát huy đồng bộ các giá trị đặc trưng, lợi thế của địa phương có biển, rừng, biên giới, hệ thống di sản phong phú và chiều sâu văn hóa, lịch sử. Nằm trên trục Bắc-Nam và Hành lang kinh tế Đông-Tây, cùng hệ thống cửa khẩu quốc tế, cảng biển, sân bay và các tuyến giao thông đang được đầu tư, tỉnh có nhiều lợi thế để tăng cường liên kết vùng, mở rộng giao thương, kết nối với Lào, Đông Bắc Thái Lan và các thị trường quốc tế. Đây là cơ sở quan trọng để hiện thực hóa định hướng phát triển “vươn Đông, tỏa Tây”, từng bước khẳng định vai trò của ngõ kinh tế, thương

mại và giao lưu quốc tế của khu vực.

Cùng với lợi thế về vị trí và kết nối, du lịch tiếp tục là lĩnh vực giàu tiềm năng, với sự hội tụ của các giá trị lịch sử cách mạng, di sản văn hóa, biển đảo, sinh thái và khám phá thiên nhiên. Việc UNESCO tiếp tục ghi nhận giá trị nổi bật của Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng góp phần nâng cao vị thế, mở rộng cơ hội thu hút du khách và phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng cao, gắn với bảo tồn thiên nhiên và phát huy bản sắc địa phương. Quảng Trị hướng tới xây dựng thương hiệu “Biểu tượng của hòa bình” của Việt Nam, đồng thời phát triển du lịch khám phá, trải nghiệm và mạo hiểm ở tầm khu vực và quốc tế, tạo thêm động lực cho tăng trưởng kinh tế-xã hội.



Chương trình khai mạc “Lễ hội Vi Hòa Bình” năm 2026 với chủ đề “Tự kỷ ước đến tương lai - Quảng Trị vì hòa bình” - Ảnh: Q.V

Bước vào chặng đường mới đặt ra yêu cầu về một tư duy phát triển mới, trong đó lấy hiệu quả, chất lượng và tính bền vững làm thước đo; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực; lấy kết nối vùng, liên kết quốc tế và hội nhập sâu rộng làm không gian mở rộng phát triển. Cùng với đó là xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; tạo dựng môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi, để mỗi tiềm năng, lợi thế của Quảng Trị được chuyển hóa thành những giá trị cụ thể.

Với truyền thống cách mạng, sức mạnh đại đoàn kết, tinh thần tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Quảng Trị quyết tâm biến tiềm năng thành nguồn lực, biến lợi thế thành động lực, biến khát vọng thành hành động cụ thể; xây dựng tỉnh phát triển nhanh, bền vững, trở thành cực tăng trưởng mới của miền Trung, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Đổi mới và kiên định, bài học vô giá

Thành tựu 40 năm đổi mới mang lại cho đất nước ta những bài học vô giá, nhất là bài học “bốn kiên định” nêu trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội XIV của Đảng. Không đổi mới, dân tộc ta mãi mãi chìm trong nghèo nàn và lạc hậu. Đổi mới mà không kiên định, không biết đất nước sẽ đi về đâu. Kiên định và đổi mới như đôi cánh một con chim vỗ nhịp nâng mình bay xa, đồng thời giữ thăng bằng, ổn định cho hành trình vĩ đại do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI luôn đi đúng hướng.



Phường Đồng Hới, trung tâm tỉnh lý

- Ảnh: H.H

□ BẮC VĂN

Đòi hỏi tất yếu của thời đại

Nhớ lại những năm trước đổi mới, càng thấy Đảng ta, Nhân dân ta kiên trung nhường nào. Tiếng súng chiến tranh chưa kịp lắng xuống, khó khăn lại chồng chất. Kinh tế khủng hoảng trầm trọng, các thế lực thù địch ráo riết bao vây cấm vận. Trước những “khúc cua” thăng trầm của lịch sử thế giới, niềm tin vào chủ nghĩa xã hội không khỏi dao động.

Nhận rõ các vấn đề phức tạp đặt ra, tại Đại hội VI, Đảng chỉ ra những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Không còn con đường nào khác, chỉ có đổi mới vươn lên đáp ứng đòi hỏi của thời đại. Đó là yêu cầu bức thiết, có ý nghĩa sống còn đối với dân tộc ta.

Đổi mới là quá trình nhận thức từng bước đầy đủ hơn, đúng đắn hơn về con đường đã chọn, về xu thế thời đại để vận dụng sáng tạo, linh hoạt đầy bản lĩnh, mang tầm cao trí tuệ của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể đất nước. Sau mỗi nhiệm kỳ Đại hội Đảng, tư duy đổi mới lại được phát triển, hoàn thiện thêm, làm tiền đề cho

chặng đường tiếp theo. Trước hết là đổi mới tư duy về kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, tiến đến đổi mới toàn diện đất nước.

Sau 40 năm thực hiện, công cuộc đổi mới để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trên mọi lĩnh vực. Đó là đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; đổi mới, tinh gọn tổ chức bộ máy; đổi mới xây dựng và thi hành pháp luật; đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế... Đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết, mọi chương trình, mục tiêu đổi mới đều xoay quanh con người, lấy con người làm trung tâm, làm đối tượng phục vụ.

Với quyết định lịch sử năm 1986, những vấn đề cấp bách đặt ra từng bước được giải quyết. Từ một quốc gia thuộc nhóm 20 nước nghèo nhất thế giới, đến nay Việt Nam vươn lên nhóm 32 nền kinh tế lớn nhất toàn cầu. Tỷ lệ hộ nghèo từ khoảng 60% - 70% năm 1986, nay còn 1,3% theo chuẩn nghèo đa chiều; chỉ số hạnh phúc của Việt Nam tăng 48 bậc so với năm 2016... Từ một đất nước bị cô lập, giờ đây, Việt Nam có quan

hệ ngoại giao với 194 quốc gia, trong đó có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện mới với 45 nước, bao gồm toàn bộ 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Không đổi mới, không thể giành được thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử như thế.

Đổi mới để phát triển, kiên định để thành công

Đổi mới là cuộc cải biến xã hội sâu sắc, nhằm xóa bỏ tư duy bảo thủ, trì trệ, quan liêu xa rời thực tế, vận dụng sáng tạo các quy luật khách quan để tạo động lực phát triển. Kiên định là nền tảng giữ vững ổn định chính trị, xã hội, làm tiền đề thúc đẩy đổi mới. Đổi mới nhưng không đổi màu. Kiên định, nhưng không giáo điều máy móc. Nếu bảo thủ là lấy cái cũ làm giới hạn của tư duy, thì kiên định lấy mục tiêu làm điểm tựa để không ngừng sáng tạo. Hòa nhập nhưng không hòa tan; tự tin, tự chủ, tự lực, tự cường tiến bước cùng thời đại mà vẫn giữ gìn, phát huy tốt bản sắc văn hóa dân tộc... Đổi mới và kiên định là hai mặt thống nhất của một vấn đề. Đổi mới là quy luật của phát triển; kiên định là quy luật của thành công.

Là cuộc trường chinh vươn lên

chính mình, con đường đổi mới không hề bằng phẳng. Mới 8 năm thực hiện đã xuất hiện bốn nguy cơ, trong đó có nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng không kịp thời cảnh báo tình trạng đó thì thật nguy hiểm khôn lường cho con tàu đổi mới. Con tàu càng hiện

đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững. Nhờ kiên định, càng ngày chúng ta càng nhận thức sâu sắc hơn, đúng hơn và bổ sung, hoàn thiện, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; từng bước xây dựng, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới.

không phải lúc nào cũng nhận được sự đồng thuận rộng rãi từ đầu, nhưng nhờ sự kiên định, kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, những quyết sách ấy đã hiện diện trong cuộc sống.

Cuộc cách mạng “sắp xếp lại giang sơn” theo Nghị quyết số 18-NQ/TW là một minh chứng. Khi triển khai thực hiện, nghị quyết đụng chạm đến hầu hết các cơ quan, hàng trăm nghìn cán bộ, công chức, viên chức. Không bàn khoăn, lo lắng sao được. Với tinh thần chỉ đạo quyết liệt, “vừa chạy vừa xếp hàng”, sau hơn một năm thực hiện, nghị quyết mang lại nhiều kết quả, có nội dung ngoài cả mong đợi.

Mục tiêu Đại hội XIV đề ra là ý chí của Đảng và cũng là khát vọng của toàn dân tộc. Để đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước bình quân cho giai đoạn 2026-2030 từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD là thách thức không nhỏ. Đây là lúc cả hệ thống chính trị phải cùng hành động, tạo các bước chuyển từ sắp xếp tổ chức bộ máy sang nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và chất lượng vận hành của cả hệ thống chính trị; từ quản lý phân tán sang quản trị thống nhất không gian phát triển và nguồn lực quốc gia; từ tăng trưởng dựa nhiều vào mở rộng đầu vào sang phát triển dựa vào năng suất, tri thức, công nghệ và con người; từ xử lý từng nguy cơ sang chủ động phòng ngừa, nâng cao sức chống chịu và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Thành tựu 40 năm đổi mới tạo cho đất nước ta cả thể và lực, cả sức mạnh tinh thần và lực lượng vật chất. Nhưng mùa xuân vẫn còn phía trước, tự cánh én không thể mang về. Chủ trương đã có, cơ chế đã thông thoáng. Giờ là lúc hành động và hành động, đổi mới và kiên định mục tiêu đã đề ra, tự chúng ta sẽ dệt nên mùa xuân mới cho đất nước.

Về bài học kinh nghiệm sau 40 năm đổi mới, Đảng ta khẳng định: Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, lấy phát triển để ổn định và ổn định để thúc đẩy phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống Nhân dân...

(Trích Báo cáo Chính trị tại Đại hội XIV của Đảng)



Một góc phường Nam Đông Hà - Ảnh: H.H

đại, càng tăng tốc thì đòi hỏi hệ thống đường ray càng phải vững chắc. Đổi mới cũng vậy. Càng tiến hành mạnh mẽ, càng hội nhập quốc tế sâu rộng thì càng phải kiên định mục tiêu, con đường đã chọn. Đó chính là “đường ray” để con tàu đổi mới của Việt Nam băng qua mọi thử thách mà không chệch hướng. Ngược lại, nếu sợ tàu đi chệch đường ray mà chần chừ, dè dặt thì công cuộc đổi mới khó thành công như ngày nay. Đó là nhờ bản lĩnh, ý chí và tư duy sáng tạo không ngừng của Đảng ta.

Bài học về “bốn kiên định” giúp chúng ta đi lên bằng đôi chân của chính mình; dựa vào sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là chính,

Bứt phá trên nền tảng 40 năm đổi mới

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, đất nước ta càng phải đổi mới mạnh mẽ để nắm bắt thời cơ lịch sử, đồng thời càng phải kiên định mục tiêu đã đề ra. Đó chính là sự thống nhất giữa ý chí và hành động, giữa khát vọng phát triển và lý tưởng cách mạng, giữa bản lĩnh chính trị và tư duy đổi mới.

Kiên định không chỉ giữ vững mục tiêu chiến lược mà còn là bản lĩnh theo đuổi đến cùng những chủ trương lớn, mà trong quá trình thực hiện không thể tránh khỏi những thách thức, thậm chí đối mặt với cả sự hoài nghi. Nhiều quyết sách mang tính cách mạng

Nâng tầm công nghiệp, kiến tạo động lực tăng trưởng



Đồng chí Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra tiến độ các dự án tại Khu Kinh tế Hòn La - Ảnh: X.P

Từ một nền kinh tế với nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo, tỉnh Quảng Trị đang từng bước chuyển dịch mô hình tăng trưởng, hướng mạnh vào công nghiệp, năng lượng tái tạo và thu hút các dự án đầu tư có quy mô lớn, tạo nền tảng kinh tế hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đặc biệt, sau sáp nhập, với tư duy phát triển mới và dư địa rộng lớn hơn, các khu công nghiệp (KCN), khu kinh tế (KKT) đang dần vươn tầm trở thành những động lực tăng trưởng mới. Quảng Trị hướng tới trở thành trung tâm năng lượng, logistics và công nghiệp quan trọng của khu vực miền Trung.

□ XUÂN PHÚ

Chuyển đổi tư duy phát triển

Trong nhiều năm, nông, lâm, thủy sản luôn giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, gắn với đời sống và sinh kế của đông đảo người dân. Trước những năm 2000, sản xuất công nghiệp của 2 tỉnh Quảng Bình (cũ) và Quảng Trị (cũ) chủ yếu mang tính chất nhỏ lẻ, phân tán và phụ thuộc nhiều vào các cơ sở chế biến thô, tiểu thủ công nghiệp quy mô hộ gia đình, thiếu các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, các chuỗi giá trị liên kết vùng đồng bộ. Nhưng đến năm 2025, cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch mạnh mẽ, ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 29,5%; nông, lâm và thủy sản chiếm khoảng 18,1%.

Đến nay, toàn tỉnh có 4 KKT với tổng diện tích hơn 103.000ha, tạo thành không gian phát triển đa dạng, từ kinh tế cửa khẩu đến kinh tế biển. Trong đó, KKT Cửa khẩu Cha Lo gần 60.000ha và KKT thương mại đặc biệt Lao Bảo gần 16.000ha; 2 KKT ven biển gồm KKT Hòn La 10.000ha và KKT Đông Nam Quảng Trị gần 24.000ha. Cùng với hệ thống KKT, tỉnh đã quy hoạch 23

KCN với tổng diện tích hơn 6.500ha, trong đó khoảng 2.500ha là đất phát triển công nghiệp. Đáng chú ý, 13 KCN đã và đang được đầu tư xây dựng, 7 KCN đã lập quy hoạch và đang kêu gọi đầu tư, 3 KCN còn lại đang dự kiến đầu tư.

Trong định hướng phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quảng Trị xác định năng lượng, logistics, du lịch và nông nghiệp xanh là bốn trụ cột chính. Trong đó, công nghiệp và năng lượng được xem là những lĩnh vực có khả năng tạo ra sức bật lớn, dựa trên lợi thế về tài nguyên, quỹ đất, vị trí địa lý và hạ tầng đang được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đây không chỉ là sự thay đổi về cơ cấu ngành kinh tế, mà còn là quá trình chuyển đổi về tư duy phát triển từ khai thác những lợi thế sẵn có sang chủ động kiến tạo không gian đầu tư, nâng cao giá trị gia tăng và hướng tới tăng trưởng bền vững.

Giữ vai trò động lực

Quy mô các KKT, KCN hiện nay tạo ra dư địa đáng kể để Quảng Trị tiếp nhận các dự án công nghiệp có quy mô lớn, đồng thời hình thành các cụm liên kết ngành,

nâng cao giá trị sản xuất và từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực.

KKT Hòn La được thành lập năm 2008, diện tích 10.000ha, trong đó phần đất liền khoảng 8.900ha, phần đảo và biển khoảng 1.100ha với các khu chức năng chính, như: KCN cảng biển Hòn La (168ha), KCN Hòn La II (250ha), KCN cửa ngõ phía Tây (102ha) và các khu chức năng khác, như: Khu nhiệt điện, khu cảng biển, khu dịch vụ thương mại du lịch...

Theo Ban Quản lý KKT tỉnh, đến nay tại KKT Hòn La, tổng số dự án đăng ký đầu tư và đã đầu tư là 87 dự án, với tổng mức đầu tư là 159 nghìn tỉ đồng, trong đó đã có 36 dự án của nhà đầu tư đi vào hoạt động, chủ yếu là các nhà máy sản xuất, chế biến gỗ, dăm gỗ, cấu kiện bê tông, cấu kiện thép, chế biến quặng titan và hoạt động bốc xếp cảng biển PTSC. Doanh thu sản xuất công nghiệp và thương mại dịch vụ khoảng 5.800 tỉ đồng/năm, nộp ngân sách khoảng 120 tỉ đồng/năm, với tổng số lao động gần 1.000 người. Những số liệu trên cho thấy vai trò quan trọng của KKT Hòn La trong phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Là đơn vị đang vận hành Tổ hợp công nghiệp chế biến sâu quặng titan-monazite tại KKT Hòn La, Công ty CP Chế biến khoáng sản titan Hoàng Long hiện có gần 100 lao động chất lượng cao làm việc trực tiếp tại các bộ phận, dây chuyền sản xuất. Nói về vai trò của các KKT, KCN, ông Nguyễn Huy Thục, Giám đốc Nhà máy Chế biến khoáng sản titan Hoàng Long chia sẻ, không đơn thuần là lợi nhuận hay số tiền thuế mỗi năm, việc thu hút được các doanh nghiệp vào đầu tư góp phần hình thành mạng lưới ngành nghề phụ trợ như cơ khí, điện-tự động hóa, logistics, vận tải, cung ứng vật tư và hóa chất, giúp thúc đẩy sự phát triển của KCN và KKT Hòn La. Qua đó, góp phần đưa Quảng Trị trở thành điểm sáng về phát triển công nghiệp bền vững.

Được triển khai từ năm 2023 với quy mô sử dụng đất hơn 480ha, tổng vốn đầu tư hơn 2.000 tỉ đồng, KCN Quảng Trị (QTIP) tại xã Diên Sanh được kỳ vọng sẽ trở thành động lực để thu hút dự án, nhà đầu tư về phía Nam tỉnh. Bà Đỗ Thị Huyền Trang, đại diện chủ đầu tư QTIP cho hay, công nghiệp muốn phát triển bền vững cần có hệ thống logistics và hạ tầng giao thông đủ sức đáp ứng. Nằm trên Hành lang kinh tế Đông-Tây, Quảng Trị có điều kiện kết nối với các trung tâm kinh tế của Việt Nam và các thị trường trong khu vực. Việc định hướng phát triển cảng biển nước sâu, logistics hiện đại, KKT và KCN sẽ là động lực dẫn dắt, tạo thành một hệ sinh thái hỗ trợ cho sản xuất công nghiệp và xuất nhập khẩu.

Biến tiềm năng thành cực tăng trưởng mới

Nếu các ngành công nghiệp giữ vai trò động lực tăng trưởng thì năng lượng được xem là một trong những lợi thế nổi bật có thể đưa Quảng Trị trở thành cực phát triển mới của miền Trung. Đáng chú ý là tiềm năng phát triển điện khí từ các mỏ khí ngoài khơi. Mỏ khí Bão Vàng được ước tính có trữ lượng

khoảng 60-100 tỉ m³, trong khi mỏ Kền Bẩu có trữ lượng ước tính ban đầu khoảng 200-250 tỉ m³.

Bên cạnh đó, Quảng Trị còn sở hữu điều kiện thuận lợi để phát triển điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng xanh. Theo các chuyên gia về năng lượng tái tạo, tỉnh có điều kiện gió thuận lợi, với tốc độ gió tại độ cao 120m đạt khoảng 6,0-6,75m/s, phân bố trên diện rộng, phù hợp với việc phát triển điện gió trên bờ, gần bờ và ngoài khơi. Quỹ đất gò đồi, ven biển tương đối lớn, mật độ dân cư thấp cũng tạo thuận lợi cho việc triển khai các dự án năng lượng quy mô lớn. Và thực tế, tỉnh Quảng Trị hiện đang sở hữu nhiều dự án điện gió được xem là hướng đi tiềm năng trong quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế xanh. Việc thu hút các dự án năng lượng không chỉ tạo ra nguồn điện mà còn kéo theo sự phát triển của công nghiệp hỗ trợ, cơ khí chế tạo, xây dựng, dịch vụ kỹ thuật, logistics và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng.

Quảng Trị đang đứng trước cơ hội hình thành một mô hình phát triển công nghiệp mới. Để biến tiềm năng thành năng lực cạnh

tranh thực tế, trong các phiên làm việc kêu gọi, xúc tiến đầu tư, lãnh đạo tỉnh luôn cam kết xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, tháo gỡ các điểm nghẽn về thủ tục, quỹ đất và hạ tầng; đồng thời sẵn sàng tiếp nhận những dự án có quy mô lớn, công nghệ hiện đại và giá trị gia tăng cao.

Tầm nhìn đến năm 2050, Quảng Trị phấn đấu trở thành một tỉnh phát triển năng động, bền vững, là trung tâm năng lượng, logistics và du lịch đặc sắc của cả nước. Trong bức tranh đó, công nghiệp không chỉ đóng vai trò tạo ra giá trị sản xuất mà còn là nền tảng để hình thành các chuỗi kinh tế mới. Từ những KKT trải rộng trên hơn 100.000ha, mạng lưới 23 KCN và sẽ còn được mở rộng quy mô đến tiềm năng năng lượng tái tạo, Quảng Trị đang có trong tay những điều kiện quan trọng để từng bước chuyển hóa tiềm năng công nghiệp, năng lượng thành năng lực cạnh tranh, qua đó hình thành một cực tăng trưởng mới trên Hành lang kinh tế Đông-Tây và bản đồ công nghiệp, năng lượng của khu vực miền Trung.

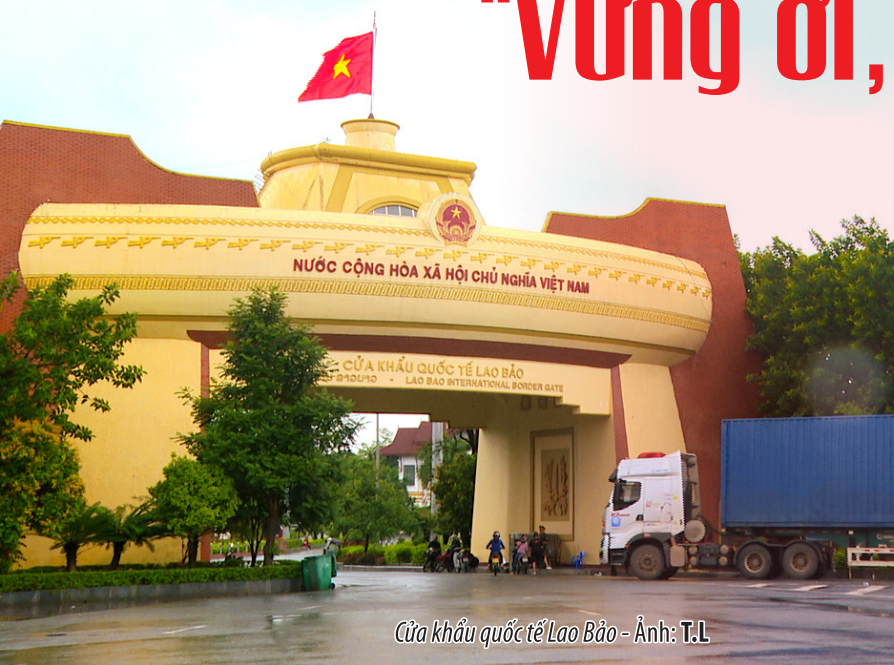
Quý I/2026, tổng số vốn đăng ký trong các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh đạt hơn 240.000 tỉ đồng, riêng trong 6 tháng đầu năm 2026, các KCN trên địa bàn tỉnh thu hút 8 dự án với tổng mức đầu tư gần 2.000 tỉ đồng. Nhiều KCN có tỉ lệ lấp đầy cao như KCN Nam Đông Hà (92,09%), KCN Quán Ngang (92,49%), KCN Bắc Đồng Hới (87%), KCN Tây Bắc Đồng Hới (100%), KCN Cảng biển Hòn La (96,97%)...



Các ngành công nghiệp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao - Ảnh: X.P

“Vùng ơi, mở cửa”!

Với gần 410km đường biên giới tiếp giáp Lào cùng 3 cửa khẩu quốc tế (CKQT) và 5 cửa khẩu phụ, trong chiến lược phát triển “vườn Đông, tỏa Tây”, tỉnh Quảng Trị có nhiều lợi thế để trở thành cửa ngõ quan trọng kết nối Việt Nam với Lào, Đông Bắc Thái Lan, Myanmar, “mở toang” cánh cửa hội nhập ASEAN qua Hành lang kinh tế Đông-Tây.



Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo - Ảnh: T.L

□ NGÔ THANH LONG

Những “viên ngọc xanh” vùng biên viễn

Ngày 12/11/1998, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 219/1998/QĐ-TTg ban hành Quy chế Khu vực khuyến khích phát triển kinh tế và thương mại Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị, tiền thân của Khu Kinh tế-Thương mại đặc biệt (gọi tắt là KKT) Lao Bảo sau này. KKT Lao Bảo ra đời trên nền tảng quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện, đặc biệt giữa hai nước Việt Nam-Lào. 7 năm sau, ngày 12/1/2005, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 11/2005/QĐ-TTg về Quy chế KKT Lao Bảo đánh dấu chặng đường phát triển mới, đưa KKT Lao Bảo trở thành trung tâm thương mại-dịch vụ-du lịch tổng hợp, đô thị biên giới kiểu mẫu, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và xã hội, hình thành tuyến thương mại xuyên biên giới Việt Nam-Lào, thúc đẩy thương mại nội khối ASEAN, kết nối Hành lang kinh tế Đông-Tây.

Lao Bảo được xem là “viên ngọc xanh” của nền kinh tế cửa khẩu Việt Nam. Quyết định số 11/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tạo nên một mô hình chưa từng có trước đây tại Quảng Trị: Khu Kinh tế-Thương mại đặc biệt với cơ chế ưu đãi vượt trội, thu hút mạnh dòng vốn thương mại, dịch vụ, du lịch xuyên biên giới. Đến nay, KKT Lao Bảo thu hút hơn 67 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký trên 7.452 tỉ đồng. Hiện tại, 57 dự án đã đi vào hoạt động, tổng số vốn thực hiện khoảng 3.711 tỉ đồng, tạo nền tảng vững chắc cho thương mại, dịch vụ, du lịch khu vực cửa khẩu phát triển. Năm 2025, giá trị hàng hóa quá cảnh qua CKQT Lao Bảo đạt 14,5 tỉ USD; 6 tháng đầu

năm 2026, giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu và quá cảnh tăng 11,3%, khối lượng hàng hóa tăng 29%.

Nếu trước đây, KKT Lao Bảo nổi bật với các trung tâm thương mại và cửa hàng miễn thuế thì hiện nay, nhiều dự án động lực đang được triển khai, như: Cảng cạn, logistics, hạ tầng vận tải và trung chuyển hàng hóa quốc tế... Đây là “cú hích” giúp gia tăng khối lượng hàng hóa, kim ngạch xuất nhập khẩu và thúc đẩy hoạt động logistics, đồng thời gia tăng nhu cầu đầu tư mở rộng kho bãi trung chuyển, dịch vụ vận tải và các dịch vụ hậu cần cửa khẩu.

Những “viên ngọc xanh” của nền kinh tế cửa khẩu tỉnh Quảng Trị còn phải kể đến KKT Cha Lo, KKT La Lay. KKT Cha Lo được thành lập năm 2002 với tổng diện tích quy hoạch 583km², nằm trong hành lang kinh tế Quốc lộ 12A và đường Hồ Chí Minh, kết nối liên hoàn với các KKT trọng điểm, như: Lao Bảo, Cầu Treo, Hòn La, Vũng Áng, Đông Nam Quảng Trị... Năm 2014, Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt quy hoạch chung xây dựng KKT Cha Lo. Theo đó, đến năm 2030, KKT Cha Lo trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Tây Quảng Trị, đầu mối trung chuyển, trung tâm xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, quy mô xây dựng lên tới 2.060ha. Những tháng đầu năm 2026, trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu và quá cảnh qua CKQT Cha Lo đạt 1.911,2 triệu USD, tăng 43%. Khối lượng hàng hóa đạt hơn 3.611 nghìn tấn, tăng 30%. Thu ngân sách đạt trên 562 tỉ đồng, tăng 48%.

KKT La Lay đang được đầu tư, thu hút đầu tư mạnh, phát triển thành KKT CKQT, là động lực tăng trưởng mới của tỉnh Quảng Trị, dự kiến quy mô diện tích hơn 15.000ha.



Hải quan Khu vực IX (Việt Nam) và các tỉnh: Sa-văn-na-khệt, Khăm Muôn và Sa-lạ-văn (Lào) ký kết tăng cường hợp tác, phát triển - Ảnh: T.L

Tạo “cú hích” rộng mở Hành lang kinh tế Đông-Tây

Đồng chí Hoàng Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh chia sẻ: Sau sáp nhập, tỉnh Quảng Trị là một trong những địa phương hội tụ đầy đủ nhất các điều kiện nhằm góp phần hiện thực hóa chiến lược “vươn Đông, tỏa Tây”.

Theo đồng chí Hoàng Nam, tỉnh Quảng Trị là điểm giao thoa giữa trục phát triển Bắc-Nam, đầu cầu phía Việt Nam trên Hành lang kinh tế Đông-Tây với hệ thống giao thông xuyên Á chiến lược như Quốc lộ 15D, Quốc lộ 9 và Quốc lộ 12A. Vị trí “đắc địa” này giúp tỉnh Quảng Trị giữ vai trò cửa ngõ ra biển của các quốc gia và vùng lãnh thổ không giáp biển trong tiểu vùng Mê Kông, trở thành đầu mối kết nối giữa không gian kinh tế biển với không gian kinh tế lục địa trong khu vực.

Chiến lược “tỏa Tây” được tỉnh Quảng Trị xác định: Trọng tâm là phát triển các KKT Lao Bảo, Cha Lo, La Lay và sẵn sàng quy hoạch, nâng cấp các cửa khẩu phụ: Cốc, Cheng, Thanh, Tà Rùng, Chút Mút, Dốc Mây thành cửa khẩu chính khi hội đủ các tiêu chí. Khu vực kinh tế cửa khẩu, kinh tế mũi biên sẽ kết nối trực tiếp với Lào, Đông Bắc Thái Lan và các nước tiểu vùng Mê Kông.

Để tạo động lực giúp mở rộng Hành lang kinh tế Đông-Tây, tỉnh Quảng Trị đang tập trung đầu tư, đồng bộ hạ tầng giao thông, trong đó Quốc lộ 15D trở thành tuyến kết nối trực tiếp từ CKQT La Lay đến cảng biển nước sâu Mỹ Thủy; cao tốc Cam Lộ-Lao Bảo sẽ mở rộng hành lang vận tải tốc độ cao gắn kết biên giới-biển; Quốc lộ 12A nâng cấp kết nối xuyên suốt từ KKT Cha Lo đến cảng Hòn La, Mỹ Thủy, Vũng Áng, Chân Mây...

Trong phương hướng Quy hoạch chung KKT Lao Bảo tầm nhìn đến 2050, phạm vi lập quy hoạch diện tích khoảng 15.804ha, bao gồm: Xã Lao Bảo, một phần các xã Khe Sanh, Tân Lập và các khu vực lân cận, với ranh giới phía Bắc giáp xã Khe Sanh, phía Nam giáp xã Lìa và xã Tân Lập, phía Đông giáp xã Đakrông,

phía Tây-Tây Nam giáp khu thương mại Đen-sa-văn. Thời hạn quy hoạch được xác định theo 2 giai đoạn: Ngắn hạn đến năm 2035 và dài hạn đến năm 2045.

Mục tiêu của quy hoạch nhằm xây dựng KKT Lao Bảo trở thành cực tăng trưởng kinh tế năng động, bền vững của tỉnh Quảng Trị, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế cửa khẩu quốc gia; bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng đời sống người dân khu vực biên giới; trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch, logistics và công nghiệp chế biến, chế tạo; là đầu mối giao thông quan trọng kết nối Hành lang kinh tế Đông-Tây từ Myanmar, Thái Lan, Lào ra Biển Đông, góp phần thúc đẩy giao thương quốc tế và phát triển kinh tế khu vực, tiến tới khu thương mại tự do trong tương lai.

Việc hình thành Khu cảng cạn VSICO với tổng vốn đầu tư 236 tỉ đồng, diện tích khoảng 8,58ha, cùng với quy hoạch cảng cạn quốc gia, cao tốc Cam Lộ-Lao Bảo, tuyến đường sắt Mỹ Thủy-Đông Hà-Lao Bảo và cảng biển nước sâu Mỹ Thủy tạo nên một chuỗi kết nối logistics hoàn chỉnh từ Biển Đông đến Trung Lào và Đông Bắc Thái Lan.

“Chiến lược “vươn Đông, tỏa Tây” mở ra cho Quảng Trị một không gian phát triển rộng lớn hơn bao giờ hết. Với tinh thần đổi mới, khát vọng vươn lên và sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương, các địa phương trong tỉnh và cộng đồng doanh nghiệp, Quảng Trị tiếp tục nỗ lực chuyển hóa tiềm năng thành động lực, lợi thế, thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I đề ra, đóng góp ngày càng thiết thực vào sự phát triển chung của đất nước”, đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Hoàng Nam nhấn mạnh.

Sau 40 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh - Ảnh: T.L

Từ quyết sách táo bạo... đến phát triển nông nghiệp xanh

Mỗi quyết sách để mang đến những đột phá phát triển sản xuất đều xuất phát từ thực tiễn đầy thử thách. Mỗi sự đổi mới mang lại thành quả hôm nay đều mang trong đó sự trăn trở, quyết đoán của những người đi đầu. Với những ai từng gắn bó trong lĩnh vực nông nghiệp, khi nhắc đến “khoán 100”, “khoán 10” đều gợi nhớ về những quyết định táo bạo của Đảng ta trên con đường đổi mới.

□ TỔ LĨNH

Những “quyết sách” từ đồng ruộng

Trở lại thăm những cánh đồng sau gần cả cuộc đời gắn bó với nông nghiệp, những người cán bộ nông nghiệp năm xưa lại bồi hồi nhớ lại một thời “lội ruộng, bắm đồng”. Ký ức đó trải dài từ những năm tháng khi hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị về chung dưới mái nhà Bình Trị Thiên, cùng cả nước khởi đầu đổi mới.

Trong những năm đầu của thập kỷ 80, cũng như cả nước, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh giảm sút, trì trệ nghiêm trọng. Ông Hồ Khắc Hồng, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) từng có hơn 10 năm phụ trách mảng nông nghiệp của tỉnh Bình Trị Thiên lúc bấy giờ. Theo ông, nguyên nhân căn bản của sự khó khăn là do cơ chế quản lý, cụ thể là cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp. “Trong hợp tác xã nông

nghiệp thì bằng “dong công” (làm chung), “phóng điểm” (tính điểm lao động) và “đánh mố” (hiệu lệnh tập trung), nên hạn chế rất nhiều đến sự làm chủ của người lao động cũng như huy động lực lượng sản xuất. Sản xuất lúc ấy biểu hiện những khó khăn lớn, như: Sản xuất không phát triển, lương thực thiếu hụt, lưu thông, phân phối bị tắc nghẽn, dẫn tới đời sống Nhân dân nhiều vùng gặp khó khăn”, ông Hồng chia sẻ.

Trước thực tiễn đó, ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100-CT/TW (Khoán 100). Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ mở rộng hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Điều quan trọng hơn cả là khi Chỉ thị 100-CT/TW ban hành, nông nghiệp như được “cởi trói”, bước đầu khơi dậy tinh thần làm chủ, phấn khởi của người lao động, tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp phát triển và các địa phương. Sự thay đổi này là tiền đề quan trọng để dẫn đến Nghị quyết

số 10-NQ/TW (Khoán 10) được Bộ Chính trị ban hành năm 1988 ngay sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI - Đại hội đổi mới của đất nước.

Từ Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng đến Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị là một quá trình đấu tranh vô cùng gian nan, quyết liệt. Trong quá trình đổi mới lĩnh vực nông nghiệp, suốt chặng đường 10 năm mới hình thành nên cơ chế tương đối hoàn thiện. “Trong 10 năm đó có 3 cú hích lớn để giúp đỡ nông nghiệp tiến lên. Thứ nhất, Chỉ thị 100-CT/TW năm 1981, đã chuyển đổi hẳn từ chỗ “khoán công, chấm điểm” đến chỗ “khoán công việc, khoán sản phẩm” đến nhóm và người lao động cuối cùng. Thứ hai, Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 1988 dưới đường lối của Đảng ta là tiến vào cơ chế thị trường, sản xuất hàng hóa, đã khoán diện tích, khoán chi phí, khoán sản lượng, nên Nhân dân làm chủ được kinh tế, sản xuất ngày càng phát triển. Thứ ba, Luật Đất đai ra đời năm 1993, chuyển ruộng đất từ hợp tác xã về người lao động làm chủ, do đó, mô hình chủ hộ phát triển mạnh mẽ. Từ những cú hích đó mà các thành phần kinh tế trong xã hội đã phát triển, sản xuất hàng hóa chuyển biến tích cực và kinh tế thị trường bắt đầu hình thành”, ông Hồ Khắc Hồng cho biết thêm.

Bút phá trong lĩnh vực nông nghiệp

Dưới ánh sáng nghị quyết của Đảng, các nông trường quốc doanh, hợp tác xã đã nhanh chóng thực hiện công cuộc đổi mới và thu được những thành tựu to lớn.

Tháng 9/1985, ông Hoàng Văn Khẩn được UBND tỉnh Bình Trị Thiên phân công về làm Giám đốc Nông trường Việt Trung. Diện tích nông trường hồi đó được Bộ Nông nghiệp quyết định giao cho quản lý và sản xuất là hơn 10.000ha, với 2.200 cán bộ, công nhân viên, người lao động, phương hướng sản xuất chính là cao su, hồ tiêu, chăn nuôi bò. "Khi chuyển sang đổi mới, chúng tôi xác định lại quy mô diện tích đất đai, thay đổi phương thức quản lý. Chúng tôi cũng xác định: Đổi mới là đổi mới về tư tưởng, trước hết là tư duy, và hành động của mỗi người. Từ đó, năng suất lao động của cán bộ công nhân viên đều tăng. Điều quan trọng là phải đảm bảo tích lũy vốn để tái sản xuất mở rộng, chứ không thể làm ra bao nhiêu ăn bấy nhiêu. Đường lối đổi mới như ngọn đuốc soi đường, để những người chúng tôi trưởng thành hơn từ những gian khổ, là hành trang mang theo để rèn luyện bản lĩnh, ý chí sắt đá vượt qua mọi khó khăn", ông Hoàng Văn Khẩn chia sẻ.

Tháng 7/1989, Quảng Bình, Quảng Trị trở về với địa giới và tên gọi vốn có trong lịch sử. Đảng bộ các cấp tiếp tục lãnh đạo Nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới. Ông Phạm Phước, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) lúc bấy giờ được phân công giữ chức Chủ tịch huyện Quảng Ninh. "Trên tinh thần đổi mới đã được đề ra tại Đại hội đại biểu lần thứ VI của Đảng, chúng tôi bàn bạc và đề ra phương châm xây dựng cơ sở vật chất cho sản xuất và đời sống gồm "8 cột vật chất", bao gồm đồng-đổi-điện-đường-xưởng-trường-trạm-chợ. Về mặt chính trị xã hội, củng cố các chủ thể xã hội gồm: Huyện-xã-thôn-chi bộ-hộ-hợp-hội-đoàn.

Hiệu quả về sản xuất nông nghiệp và dân sinh qua quá trình thay đổi cơ chế quản lý là rất rõ. Năng suất lúa bình quân các xã trên địa bàn huyện có nơi đạt 60-65 tạ/ha, năng suất tổng sản lượng lương thực của tỉnh lên trên 30 vạn tấn/năm", ông Phạm Phước cho biết.



Ông Hoàng Văn Khẩn, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình (thứ 3 từ phải sang) trở lại thăm Công ty CP Việt Trung Quảng Bình - Ảnh: T.L

Từ một tỉnh có xuất phát điểm thấp, nông nghiệp độc canh không có tích lũy từ những năm 80 của thế kỷ trước, qua 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, tỉnh nhà đã đạt được những thành tựu đột phá trong lĩnh vực nông nghiệp. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đạt 6,82%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 79,1 triệu đồng; sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển sang kinh tế nông nghiệp, phát triển bền vững, sinh thái, xanh, tuần hoàn và ứng dụng công nghệ cao gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả. Tốc độ tăng trưởng lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân 3,13%/năm.

"Ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh cũng đã chủ động tham mưu Tỉnh ủy ban hành các nghị quyết có tính chất dẫn đường và định hướng kim chỉ nam cho phát triển nông nghiệp xanh-một trong 4 trụ cột của kinh tế

tỉnh giai đoạn 2025-2030. Trong đó, tập trung cụ thể hóa các chủ trương như Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 30/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa sản xuất, phát triển vùng nguyên

liệu nông, lâm, thủy sản bền vững theo định hướng nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp số; ban hành các đề án, kế hoạch hành động để lựa chọn ngành hàng, sản phẩm chủ lực ưu tiên phát triển theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết hợp tác; mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản chủ lực, hướng tới các thị trường khó tính như châu Âu, Mỹ...", bà Nguyễn Hồng Phương, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cho biết.

Nhìn lại hành trình hơn bốn thập kỷ đổi mới, từ những quyết sách táo bạo như "khoán 100", "khoán 10" cho đến chiến lược phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn của giai đoạn mới, có thể thấy đổi mới không chỉ là một giai đoạn lịch sử, mà là một dòng chảy liên tục. Dòng chảy đó vẫn đang được tiếp nối, để từ "phù sa" lịch sử, nông nghiệp tỉnh nhà lại tiếp tục gieo mầm cho những vụ mùa thắng lợi mới.

Mạch nguồn cho những mùa vàng

Làng tôi nằm ở cuối sông Loan. Những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ trước, mỗi mùa mưa bão về, lũ trẻ chúng tôi vẫn thường nghe người lớn thấp thỏm hỏi nhau về mực nước hồ Vực Tròn, ở xã Quảng Châu (cũ). Đầu làng biển Cảnh Dương không sản xuất lúa, nỗi lo đề võ cũng chưa bao giờ xảy ra, nhưng những câu chuyện về nước lũ, về con đề và hồ Vực Tròn vẫn trở thành một phần ký ức sâu đậm của tuổi thơ.



Công trình đại thủy nông Nam Thạch Hãn

- Ảnh: TƯ LIỆU

□ NGỌC MAI

Những công trình của một thời gian khó

Ngày ấy, chúng tôi chưa hiểu hết giá trị của những công trình thủy lợi. Chỉ nhiều năm sau, khi đã trưởng thành, nhìn những cánh đồng xanh tốt, mùa vàng nối tiếp nhau, tôi mới hiểu được vai trò của hồ Vực Tròn phía sau sự bình yên của những vụ mùa lúa ngô khoai sắn và cả những ngôi làng ở cuối sông.

Ngày ấy, chúng tôi thường nghe cụm từ “đi làm thủy lợi”. Nhiều thế hệ người dân Quảng Trạch (cũ) đã đóng góp mồ hôi, công sức và gửi gắm bao kỳ vọng vào công trình hồ Vực Tròn, được khởi công đầu năm 1980. Sau 6 năm miệt mài đào núi, chặn dòng, công trình hoàn thành vào năm 1986, cũng là thời điểm đất nước bắt đầu bước vào hành trình đổi mới.

Từ những ngày “đi làm thủy lợi” đầy gian khó ấy, một công trình đã hình thành, mang theo khát vọng chủ động nguồn nước, thích ứng với thiên nhiên và tạo nền tảng cho sản xuất nông nghiệp. Với dung tích hơn 50 triệu m³, cùng với hệ thống kênh mương, từ đây, nông dân huyện Quảng Trạch cũ không còn nỗi lo thiếu nước sản xuất, những vụ mùa vàng cứ thế nối nhau. Và làng tôi ở cuối sông, những ngày mưa bão đã không còn thấp thỏm âu lo.

Cũng vào những năm đầu thập niên 80, ở phía Nam tỉnh, Nam Thạch Hãn, công trình thủy lợi trọng điểm, lớn nhất và đầu tiên ở miền Nam do Bộ Thủy lợi và tỉnh Bình Trị Thiên cũ đảm trách, được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Để làm nên công trình ấy là công sức của hàng vạn thanh niên xung phong tuổi mười tám, đôi mươi, được biên

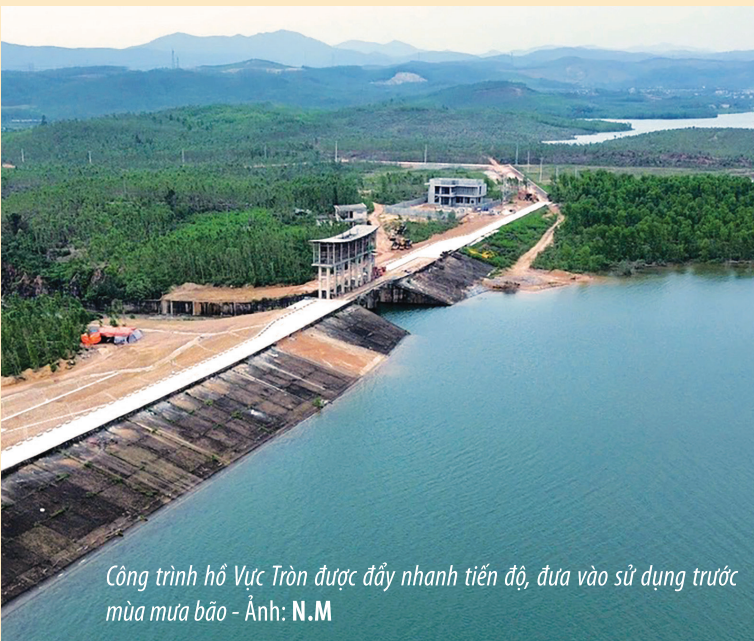
chế trong các sư đoàn mang tên các địa phương, có những sư đoàn lên tới hơn 2.000 người. Ông Phạm Phước, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình (cũ), khi ấy là một trong những người trực tiếp chỉ huy công trường, vẫn nhớ những ngày thi công đầy gian khó, hiểm nguy trên vùng đất còn in đậm dấu tích chiến tranh.

Năm 1981, công trình hoàn thành. Tổng Bí thư Lê Duẩn đã hai lần về thăm công trường Nam Thạch Hãn. “Nỗi trăn trở rất cụ thể về đời sống, sản xuất của bà con và quyết tâm của Tổng Bí thư đã góp phần quan trọng để công trình được triển khai, hoàn thành và phát huy hiệu quả, phục vụ sản xuất nông nghiệp, cải thiện sinh kế lâu dài cho người dân”, ông Phước chia sẻ.

Khi hoàn thành, Nam Thạch Hãn tạo nguồn nước tưới cho khoảng 9.000ha lúa vụ đông-xuân và gần 5.500ha lúa vụ hè-thu, giúp người nông dân thêm vững tin trong sản xuất, góp phần đưa quê hương vượt qua những tháng ngày gian khó sau chiến tranh.

Thời điểm Vực Tròn, Nam Thạch Hãn đang phát huy hiệu quả, đồng hành với quê hương trong những năm đầu đổi mới, thì ở vùng Nam Ba Đồn, Rào Nan, công trình thủy lợi tiêu biểu cho sức mạnh đoàn kết quân-dân, hoàn thành năm 1972, vẫn bền bỉ làm điểm tựa cho sản xuất nông nghiệp. Năm 1973, giữa những trận B52 rải thảm xuống xã Quảng Sơn (cũ), công trình vẫn đứng vững dưới bom đạn, dòng nước vẫn tìm về đồng ruộng, Rào Nan vẫn lặng thầm tiếp tục sứ mệnh của mình, trở thành biểu tượng của ý chí, sức mạnh đoàn kết và một mạch nguồn bền bỉ nuôi dưỡng sự sống trên đồng đất quê hương.

Cùng với các công trình nói trên, hàng trăm hồ chứa, tuyến kênh mương đã từng bước tạo nên hệ thống thủy lợi rộng khắp, góp phần thay đổi diện mạo sản xuất nông nghiệp quê hương. Từ những công trình được dựng xây bằng mồ hôi, công sức của nhiều thế hệ, 40 năm qua, hệ thống ấy không ngừng được đầu tư, hoàn thiện, trở thành mạch nguồn bền bỉ cho những mùa vàng và sự phát triển của quê hương.



Công trình hồ Vực Tròn được đẩy nhanh tiến độ, đưa vào sử dụng trước mùa mưa bão - Ảnh: N.M

Đổi thay từ những dòng nước

Sau gần 40 năm, Vực Tròn hôm nay đã mang diện mạo mới. Từ dòng nước tưới mát những cánh đồng, góp phần làm nên những mùa vàng, Vực Tròn nay đảm nhận thêm “sứ mệnh” cung cấp nước cho Nhà máy Nước sạch Quảng Châu và Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, phục vụ dân sinh, sản xuất và phát triển kinh tế-xã hội.

Năm 2023, dự án sửa chữa cấp bách bảo đảm an toàn hồ Vực Tròn được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt, tổng mức đầu tư 123 tỉ đồng. Sau nâng cấp, dung tích hồ đạt hơn 64,4 triệu m³, bảo đảm nước tưới cho 2.050ha lúa, hoa màu, gần 150ha nuôi thủy sản nước ngọt; cung cấp khoảng 3 triệu m³/năm cho Nhà máy Nước sạch Quảng Châu và 2,6 triệu m³/năm cho Trung tâm Điện lực Quảng Trạch. Công trình đang được đẩy nhanh tiến độ, phấn đấu bàn giao, đưa vào sử dụng trước mùa mưa bão.

Trước Vực Tròn là công trình đại thủy nông Rào Nan được khởi công nâng cấp vào năm 2019 với kinh phí hơn 350 tỉ đồng. Trải qua nhiều khó khăn, công trình hoàn thành, bảo đảm tưới tiêu cho 1.800ha lúa tại 9 xã vùng Nam TX. Ba Đồn (cũ), phủ xanh những

diện tích ruộng lúa trước đây từng bị bỏ hoang trong vụ hè-thu. Kênh mương nước đầy ăm ắp, dòng nước lại tìm về từng thửa ruộng.

Cùng với đó, giấc mơ sử dụng nước sạch của người dân các xã thuộc TX. Ba Đồn và huyện Quảng Trạch cũ đã thành hiện thực. Đặc biệt, với cư dân 4 thôn cồn bãi xã Nam Ba Đồn, nỗi lo thiếu nước sạch triển miên qua nhiều thế hệ nay đã trở thành ký ức. Nhờ Rào Nan, làng cồn bãi giờ cũng như phố thị, nước máy đến tận từng nhà, chấm dứt cảnh ngóng chờ mưa hay phải mua nước với giá đắt đỏ.

Không chỉ mang nước về đồng ruộng và đến từng nhà, Rào Nan sau khi hoàn thành còn tạo nên một không gian cảnh quan đẹp, thu hút du khách, mở ra những dư địa mới để địa phương khai thác lợi thế cảnh quan, từng bước gắn công trình thủy lợi với phát triển du lịch và kinh tế-xã hội.

Nếu những công trình như Vực Tròn, Nam Thạch Hãn, Rào Nan cùng hàng chục công trình thủy lợi khác đã in dấu trong ký ức nhiều thế hệ, là những dấu mốc quan trọng của hệ thống thủy lợi quê hương, thì 40 năm qua cũng là hành trình không ngừng đổi thay, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống ấy. Những hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, tuyến kênh mương không chỉ được đầu tư xây mới mà còn được sửa chữa, nâng cấp, kiên cố hóa, để mỗi dòng nước được sử dụng hiệu quả hơn, mỗi mùa vụ thêm chủ động.

Từ những công trình thủy lợi của một thời gian khó đến hệ thống ngày càng đồng bộ hôm nay, tư duy về thủy lợi cũng đã thay đổi. Nếu trước đây trọng tâm là đưa nước về đồng ruộng, thì ngày nay, thủy lợi còn phải giữ nước, điều tiết nước, bảo vệ nguồn nước và chủ động thích ứng với những biến động ngày càng khó lường của thời tiết, khí hậu.

“Các công trình thủy lợi ngày càng phát huy vai trò đa mục tiêu, vừa bảo đảm nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh, các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất; vừa điều tiết nguồn nước, phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn và giảm thiểu tác động của thiên tai”, ông Mai Văn Minh, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình Nông nghiệp và Môi trường, cho biết.

Từ chỗ chủ yếu đưa nước về đồng ruộng, thủy lợi hôm nay đã trở thành một phần quan trọng của hạ tầng phát triển, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước và tạo nền tảng để những mùa vàng không chỉ bội thu mà còn bền vững. 40 năm đi qua, với sự quan tâm, đầu tư ngày càng lớn của Trung ương và tỉnh dành cho nông nghiệp, nông dân, những công trình của một thời gian khó đã mang diện mạo mới, tiếp tục phát huy giá trị trong giai đoạn mới. Hôm nay, mạch nguồn ấy vẫn được tiếp nối, mang nước về đồng ruộng, phục vụ đời sống và phát triển, góp phần làm nên những mùa vàng ấm no trên quê hương Quảng Trị anh hùng.

Những công trình mở lối tương lai



Cầu Gianh (mới) bắc qua sông Gianh nằm trên Quốc lộ 1A, đoạn qua xã Bắc Gianh và Nam Gianh, tỉnh Quảng Trị - Ảnh: T.H

Từ công cuộc đổi mới, hạ tầng giao thông Quảng Trị không ngừng được đầu tư, nâng cấp, từng bước tạo dựng mạng lưới kết nối ngày càng đồng bộ. Những cung đường rộng mở, những cây cầu hiện đại mọc lên không chỉ phá vỡ thế “độc đạo”, mà còn đưa Quảng Trị trở thành đầu mối giao thương quan trọng trên Hành lang kinh tế Đông-Tây, tạo đà vững chắc để địa phương bứt phá trong kỷ nguyên mới.

❑ TRÚC PHƯƠNG

Một thời giao thông cách trở

Giao thông cách trở từng là nỗi “ám ảnh” đè nặng lên cuộc sống và sự phát triển của người dân thôn A Liêng, xã Tà Rụt. Do dòng sông Đakrông chảy ngang ngay trước đường vào trung tâm thôn, nên trước đây, người dân phải làm cầu tạm để phục vụ nhu cầu đi lại. Tuy nhiên, việc đi qua những cây cầu này luôn tiềm ẩn nhiều hiểm nguy, chưa kể nước dâng cao vào mùa mưa có thể cuốn trôi cầu.

Trong ký ức của bà Hồ Thị Nghệ, dòng sông Đakrông vào mùa mưa bão, nước dâng lên, cả thôn bị chia cắt nhiều thời điểm. “Khổ nhất là bọn trẻ. Trường học ở bên kia sông nên mùa mưa lũ không dám tới trường. Có nhiều cháu ngại cảnh qua sông mùa lũ nên bỏ học, dẫn đến tình trạng thất học diễn ra triền miên”, bà Nghệ cho hay.

Với nhiều người dân sinh ra và lớn lên ở xã Bảo Ninh (cũ), nay thuộc phường Đồng Hới, một thời

cũng chung nỗi ám ảnh cảnh đò giang cách trở, vì nơi đây là một bán đảo, từng bị ngăn cách bởi mênh mông sông nước. Nhớ về những ngày tháng đó, ông Phạm Minh Thuyết (SN 1963), người dân địa phương chia sẻ: Trước năm 1990, hệ thống điện lưới và giao thông đường bộ ở Bảo Ninh còn rất hạn chế. Thời bấy giờ, cuộc sống ngư dân làng chài quen với cảnh dập dềnh trên những chiếc thuyền thúng, thuyền gỗ nhỏ đánh cá gần bờ nên thu nhập bấp bênh, cuộc sống người dân rất nghèo khó. “Chúng tôi lớn lên với đôi chân trần quen bước trên cát, chưa từng hình dung về ngày có điện, có đường, cuộc sống sẽ thay đổi ra sao”, ông Thuyết nhớ lại.

Câu chuyện về giao thông tại thôn A Liêng hay xã Bảo Ninh (cũ) là lát cắt về thực trạng hạ tầng giao thông ở hai tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình trước đây trong những năm đầu sau công cuộc đổi mới. Thời điểm đó, mạng lưới giao thông vận tải đường bộ của tỉnh Quảng Trị (cũ)

chỉ có 262km quốc lộ. Cơ sở vật chất kỹ thuật của mạng lưới giao thông vận tải chưa thể đáp ứng được yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, dân sinh trên địa bàn.

Dân cư phân bố không tập trung nên việc đầu tư xây dựng các công trình giao thông tại đây rất khó khăn và tốn kém. Trong khi đó, tại tỉnh Quảng Bình (cũ), Quốc lộ 1 có nhiều đoạn chỉ rộng khoảng 7m, bị xuống cấp nghiêm trọng; Quốc lộ 15 vẫn hằn in dấu vết chiến tranh với nhiều đoạn bị phá hủy; Quốc lộ 12A đoạn qua Ba Đồn-Quy Đạt phải đi mất nhiều thời gian mới đến, đoạn Khe Ve-Mụ Giạ, nền đường hẹp, rải cấp phối, không có hệ thống cầu cống. Mùa mưa lũ, đoạn đường này trở thành điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn do sạt lở đất đá. Hệ thống ngấm tràn bị cuốn trôi, nhiều đoạn mất hẳn nền đường phải chỉnh tuyến để thông xe. Giao thông nông thôn chỉ là những con đường đất nhỏ hẹp, tự phát, thiếu quy hoạch...

Kiến tạo mạng lưới giao thông hiện đại

Nhận thức rõ hạ tầng giao thông là một trong những động lực, nền tảng quan trọng của sự phát triển kinh tế-xã hội, sau công cuộc đổi mới, ngành Giao thông vận tải, tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình (cũ) đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, mạnh mẽ, linh hoạt và đa dạng hóa nguồn lực. Nhờ đó, hàng loạt công trình quy mô, quan trọng và cấp thiết liên tiếp ra đời, như: Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1, hoàn thành đường Hồ Chí Minh nhánh Đông và nhánh Tây, Quốc lộ 9, đường 9D, đường Xuyên Á, đường Cửa Tùng-Cửa Việt, đường tỉnh 565, hệ thống cầu trên sông Gianh, sông Kiến Giang, cùng các tuyến đường tránh lũ, cứu hộ cứu nạn... Mạng lưới giao thông được đầu tư theo hướng đồng bộ, từng bước kết nối liên hoàn đủ cả 5 loại hình vận tải, hệ thống đường đô thị và nông thôn vươn rộng đến tận vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang cồn bãi.

Giao thông nối liền không chỉ tạo thuận lợi trong lưu thông mà còn mở ra cơ hội phát triển mới. Như tại thôn A Liêng, cuộc sống của người dân đã thực sự đổi thay khi cây cầu bê tông kiên cố A Liêng được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn hỗ trợ quốc tế. Nhịp cầu mới đông đầy niềm vui, nối dài những

chuyến xe chở đầy nông sản ra thị trường. Ông Hồ Văn Bờn, người dân thôn A Liêng xúc động nhớ lại: “Trước đây, giao thông cách trở khiến ước mơ no ấm cứ dần lùi xa. Khi cầu A Liêng được xây dựng kiên cố, việc đi lại và giao thương thuận lợi đã giúp cuộc sống của bà con thay đổi hoàn toàn”.

Còn tại Bảo Ninh, cuộc sống mới bắt đầu từ cuối năm 1992, đầu năm 1993, khi đường dây điện vượt sông Nhật Lệ thấp sáng làng biển Hà Dương, kéo theo con đường cấp phối xuyên xã đầu tiên được xây dựng. Nhưng “cú hích” lịch sử thực sự đánh thức vùng đất này chính là khi cầu Nhật Lệ I hoàn thành năm 2004, chấm dứt cảnh “lụy đò”, giúp ngư dân vươn khơi bám biển trên những đội tàu công suất lớn và biến vùng cát Mỹ Cảnh hoang sơ thành quần thể du lịch cao cấp. Nối tiếp đó, cầu Nhật Lệ II (năm 2017) đóng vai trò đòn bẩy mở rộng đô thị về phía Nam và cầu Nhật Lệ III (khởi công năm 2023) đang được hoàn thiện sẽ tiếp tục đưa “bán đảo ngọc” bứt phá trở thành điểm sáng du lịch trên bản đồ miền Trung.

Đặc biệt, mốc lịch sử ngày 1/7/2025 khi tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị được hợp nhất đã mở ra không gian phát triển mới, tạo điều kiện để hình thành tầm nhìn quy hoạch và mạng lưới giao thông liên kết ở quy mô mới. Trên cơ sở hợp nhất hai địa phương,

Quảng Trị mới có điều kiện phát huy hệ thống hạ tầng đa phương thức và lợi thế kết nối của cả hai không gian phát triển trước đây. Khi các tuyến giao thông, bến cảng đi vào khai thác, chi phí logistics sẽ giảm, năng lực vận chuyển hàng hóa được nâng lên, khả năng tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế được mở rộng.

Với những nội dung được thể hiện trong Quyết định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Quảng Trị quyết tâm xây dựng mạng lưới giao thông kết nối đa phương thức hiện đại. Theo đồng chí Lê Đức Tiến, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, với vai trò “xương sống” của hạ tầng đối với tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh, “chìa khóa” để Quảng Trị bứt phá nằm ở tư duy tối ưu hóa hạ tầng kết nối nhằm khơi thông dòng chảy hàng hóa trên cả hai hành lang kinh tế Đông-Tây và Bắc-Nam. Trọng tâm là ưu tiên các trục giao thông huyết mạch nối liền dải kinh tế ven biển với hệ thống cửa khẩu quốc tế, tạo sự đồng bộ giữa các phương thức vận tải để giảm thiểu tối đa chi phí logistics cho doanh nghiệp. Đây sẽ là bước đi quyết định để hiện thực hóa chiến lược “vươn Đông, tỏa Tây”, đưa Quảng Trị tự tin khẳng định vị thế trung tâm logistics và cửa ngõ giao thương quốc tế hàng đầu khu vực.

Quảng Trị mới có lợi thế về hệ thống cảng biển, trong đó có cảng nước sâu Mỹ Thủy, Hòn La; các cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, Cha Lo; Cảng hàng không Đồng Hới, cùng dự án Cảng hàng không Quảng Trị và tuyến đường sắt chiến lược Mỹ Thủy-Lao Bảo. Việc đồng loạt triển khai các dự án trọng điểm, như: Quốc lộ 15D, sân bay Quảng Trị, cảng Mỹ Thủy, tuyến đường ven biển cùng các tuyến kết nối liên vùng đang từng bước hoàn thiện mạng lưới hạ tầng chiến lược của tỉnh. Song song với đó, các đoạn cao tốc Bắc-Nam (Cam Lộ-Vạn Ninh-Bùnh) cũng giúp rút ngắn thời gian di chuyển, kết nối thông suốt với Huế, Hà Tĩnh, Nghệ An.

Giao thông miền núi phía Tây Nam tỉnh Quảng Trị ngày nay đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và doanh nghiệp - Ảnh: T.P

18 di sản và một hành trình nỗ lực

Từ một địa phương chưa có tên trong “bản đồ” danh mục di sản văn hóa phi vật thể (VHPVT) quốc gia, chỉ trong chưa đầy 10 năm (kể từ năm 2017 khi hồ khoan Lệ Thủy được công nhận), đến nay Quảng Trị đã có 18 di sản được đưa vào danh mục. Đó là hành trình đầy nỗ lực của một tỉnh dù còn nhiều khó khăn nhưng vẫn luôn xem bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống là một trong những nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu...



Độc đáo lễ hội Ariêu Ping của người dân tộc thiểu số Pa Kô

- Ảnh: NVCC

□ MAI NHÂN

Mạch nguồn chảy mãi...

Gần 10 năm được công nhận di sản VHPVT quốc gia, hồ khoan Lệ Thủy đã “bám rễ, ăn sâu” trong tâm hồn của biết bao thế hệ người dân quê hương và nhất là với những người trẻ. Để làm được điều này là cả một hành trình miệt mài, không ngại khó khăn, thách thức. Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (cũ) nhiệm kỳ 2010-2015 đã thống nhất đưa hồ khoan vào trường học, “mở đường” để di sản cha ông tiếp tục mạch trao truyền. Từ đó đến nay, nhiều trường học đã thành lập câu lạc bộ (CLB) hồ khoan Lệ Thủy, tổ chức các buổi ngoại khóa tìm hiểu hồ khoan, tham gia các cuộc thi về hồ khoan... Thậm chí năm 2017, một cuộc thi hùng biện tiếng Anh về hồ khoan Lệ Thủy “Lời ru quê mẹ” được tổ chức, thu hút sự tham gia của đông đảo học sinh trên địa bàn.

Cô giáo Nguyễn Thị Thu Hoài, Chủ nhiệm CLB hồ khoan Lệ Thủy, Trường THPT Nguyễn Chí Thanh chia sẻ, với 28 thành viên, CLB là “điểm hẹn” của các bạn trẻ yêu hồ khoan của nhà trường. Bên cạnh thường xuyên duy trì hoạt động tập luyện, trau dồi kỹ năng hồ khoan cho các thành viên, CLB còn góp phần lan tỏa tình yêu với di sản cha ông, khuyến khích các bạn trẻ tự tin, thoải mái thể hiện hồ khoan-như một “chìa khóa” giới thiệu về quê hương cho bạn bè, du khách gần xa.

Nghệ nhân ưu tú (NNUT) Nguyễn Thị Lý, Chủ nhiệm CLB Nghệ nhân hồ khoan Lệ Thủy đã gắn bó cả cuộc đời mình với hồ khoan. Bà không thể nhớ hết các lớp học hồ khoan đã tổ chức ngay tại sân nhà mình, cũng chẳng thể kể tên bao nhiêu tiết mục hồ khoan bà đã dàn dựng cho các nhà trường, cơ quan, đơn vị để tham gia liên hoan, hội diễn và cả thời gian dài đứng lớp tại các buổi tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du

lich (VH-TT-DL) hay địa phương tổ chức. Không chỉ có vậy, bà còn âm thầm đưa CLB đi biểu diễn, quảng bá hồ khoan tại Thủ đô Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh..., đặc biệt là chung sức thành lập một CLB hồ khoan ngay tại thành phố mang tên Bác. CLB cũng thường xuyên tổ chức các buổi liên hoan, giao lưu hồ khoan giữa các CLB với nhau để tăng thêm tình đoàn kết, gắn bó, lan tỏa di sản. Không chỉ riêng xã Lệ Thủy, các CLB hồ khoan ở các xã Tân Mỹ, Cam Hồng... cũng đang thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy “kho báu” cha ông.

Cuối tháng 7 vừa qua, xã Tà Rụt tổ chức thành công lễ hội Ariêu Ping của người Pa Kô. Sự kiện được ví như một “dấu ấn” văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) vùng đất phía Tây Quảng Trị. Trưởng phòng Văn hóa-Xã hội xã Tà Rụt Trần Thương Thiên cho biết, lễ hội được đưa vào danh mục di sản VHPVT quốc gia năm 2023, minh chứng cho nét đặc sắc riêng có của di sản. Người Tà Ôi quan niệm, sau khi qua đời,

linh hồn vẫn tiếp tục tồn tại ở một thế giới khác. Vì vậy, việc chôn cất chỉ là bước đầu của tang lễ. Tang lễ chỉ thực sự hoàn tất khi diễn ra nghi lễ Ariêu Ping, đưa hài cốt người quá cố về nhà mồ chung của dòng họ. Trải qua bao đổi thay, lễ hội được tổ chức vẫn được gìn giữ vẹn nguyên nhiều nghi lễ, như: Lễ bốc mộ, lễ khai mã, lễ đón khách, lễ đâm trâu, lễ đưa quan tài về lăng mới, lễ cảm ơn, lễ chia tay và tổng kết...

Theo NNƯT Kray Sứ, lễ hội là dịp để người đang sống bày tỏ lòng thành kính với tổ tiên, cầu mong bản làng bình yên. Đồng thời, đây cũng là không gian để các làng bản, dòng họ, thông gia và cộng đồng gặp gỡ, chia sẻ, tháo gỡ những khúc mắc trong quan hệ xã hội, củng cố tình đoàn kết, gắn bó. Điều đặc biệt trong lễ hội lần này là vẫn duy trì tổ chức lễ diễu hành phồn thực, một nét văn hóa độc đáo của người Tà Ôi. Nghề nhân Kray Sứ mong muốn, lễ hội sẽ tiếp tục được trao truyền vẹn nguyên và mãi là di sản văn hóa đặc trưng, mang đậm bản sắc của người Tà Ôi.

Theo thống kê của Sở VH-TT-DL, từ năm 2017 đến nay, Quảng Trị có 18 di sản đưa vào danh mục di sản VHPVT quốc gia, gồm 11 lễ hội và 7 nghệ thuật trình diễn. Việc ghi danh góp phần khẳng định giá trị tiêu biểu của di sản, nâng cao vị thế, hình ảnh và bản sắc văn hóa của tỉnh Quảng Trị; đồng thời, tạo động lực để chính quyền địa phương, nghề nhân và cộng đồng quan tâm hơn đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Đề di sản

“sống” trong cộng đồng

Theo Giám đốc Sở VH-TT-DL Lê Minh Tuấn, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản VHPVT ở Quảng Trị hiện nay đang đứng trước một số khó khăn. Trước hết là nguy cơ mai một của một số loại hình di sản. Môi trường văn

hóa và đời sống xã hội có nhiều thay đổi, trong khi số lượng nghệ nhân am hiểu, thực hành và có khả năng truyền dạy ngày càng giảm, lực lượng kế cận chưa đáp ứng yêu cầu. Bên cạnh đó, đội ngũ làm công tác văn hóa ở cơ sở còn mỏng, nhất là trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; nhiều cán bộ phải kiêm nhiệm nên việc theo dõi, quản lý và triển khai các nhiệm vụ về di sản có lúc còn hạn chế. Một số thiết chế văn hóa cơ sở chưa được đầu tư đồng bộ, chưa tạo được điều kiện thuận lợi để cộng đồng thường xuyên thực hành và phát huy các giá trị di sản.

Một thách thức nữa là chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản. Công tác kiểm kê, tư liệu hóa, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản đang từng bước được triển khai nhưng chưa đồng bộ; việc ứng dụng công nghệ để quảng bá,

khai thác và đưa di sản đến gần hơn với công chúng còn nhiều dư địa để phát triển.

Thời gian tới, Sở VH-TT-DL sẽ tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm. Trước hết, tiếp tục rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; đồng thời, huy động các nguồn lực xã hội, phát huy vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp và các địa phương trong công tác bảo tồn, gìn giữ và trao truyền di sản. Cùng với đó, sẽ tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nhất là ở cơ sở; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa và có chính sách phù hợp để động viên, hỗ trợ các nghệ nhân. Công tác kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa và chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản cũng sẽ được đẩy mạnh, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa và cơ sở dữ liệu của ngành.

“Chúng tôi xác định bảo tồn phải gắn với phát huy giá trị di sản và phát triển bền vững. Vì vậy, ngành sẽ chú trọng đưa các giá trị di sản, nhất là di sản VHPVT, trở thành nguồn lực phát triển du lịch, xây dựng những sản phẩm đặc trưng của Quảng Trị; đồng thời, tăng cường tuyên truyền, giáo dục để người dân thực sự là chủ thể trong bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Mục tiêu cuối cùng là để di sản không chỉ được bảo tồn mà phải thực sự “sống” trong cộng đồng, được trao truyền qua các thế hệ và trở thành một nguồn lực góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh”, Giám đốc Sở VH-TT-DL Lê Minh Tuấn cho biết.



Một buổi sinh hoạt của Câu lạc bộ hò khoan Lệ Thủy, Trường THPT Nguyễn Chí Thanh cùng các nghệ nhân - Ảnh: NVCC

Trong dòng chảy hội nhập ngày càng mạnh mẽ, câu hỏi đặt ra không phải là làm thế nào để văn hóa đứng yên trước những biến đổi của thời đại, mà là làm thế nào để những giá trị làm nên “căn cước” của một vùng đất được gìn giữ, làm mới và lan tỏa? Bởi khi hiểu mình là ai, trân trọng những gì mình có và biết chuyển hóa thành nguồn lực cho hiện tại, văn hóa sẽ trở thành điểm tựa để Quảng Trị đi xa hơn.



Các điểm di tích lịch sử trở thành điểm đến thu hút khách du lịch trong và ngoài nước - Ảnh: D.H

Giữ “căn cước” trong dòng chảy hội nhập

□ DIỆU HƯƠNG

Trầm tích làm nên bản sắc

Quảng Trị là mảnh đất hội tụ của nhiều không gian văn hóa, từ biển, đồng bằng đến miền núi; từ những làng quê lâu đời đến các đô thị đang chuyển mình; từ văn hóa cộng đồng đến những di sản gắn với lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và khát vọng hòa bình. Mỗi vùng đất mang theo những phong tục, tập quán, lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian, nghề truyền thống và ký ức riêng, tạo nên một diện mạo văn hóa đa dạng nhưng được kết nối bởi những giá trị chung của con người trên vùng đất này.

Toàn tỉnh hiện có 647 di tích với 746 điểm di tích thành phần được xếp hạng các cấp, gồm 5 di tích quốc gia đặc biệt, 69 di tích quốc gia và 573 di tích cấp tỉnh. Trong đó có những địa danh

mang tầm vóc đặc biệt, như: Đường Trường Sơn-đường Hồ Chí Minh, Thành Cổ Quảng Trị, đồi bờ Hiền Lương-Bến Hải, địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh, sân bay Tà Cơn, nhà tù Lao Bảo, hệ thống giếng cổ Gio An cùng Nghĩa trang liệt sĩ quốc gia Trường Sơn và Nghĩa trang liệt sĩ quốc gia Đường 9.

Những di tích ấy là “địa chỉ ký ức”, lưu giữ ký ức lịch sử qua những câu chuyện về chiến tranh, sự hy sinh, lòng yêu nước và khát vọng hòa bình. Cùng với di sản vật thể, Quảng Trị còn có 2 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh và 18 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đó là những lễ hội, loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian, phong tục, tập quán được hình thành và trao truyền trong đời sống cộng đồng.

Những năm qua, Quảng Trị chú trọng phát huy vai trò của chủ thể

văn hóa thông qua việc duy trì các câu lạc bộ văn hóa dân gian, đội văn nghệ truyền thống, thực hiện chính sách đối với nghệ nhân, đồng thời lồng ghép bảo tồn di sản với hoạt động văn hóa, du lịch và sinh hoạt cộng đồng. Dự án 6 về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cũng mở thêm cơ hội để cộng đồng trực tiếp tham gia vào quá trình gìn giữ và phát huy di sản. Theo nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Đặng Thị Kim Liên, trong đời sống cộng đồng vẫn còn nhiều giá trị chưa được nhận diện, khai phá và trao truyền đầy đủ. Việc bảo tồn cần bắt đầu từ chính cộng đồng, từ việc đi sâu vào đời sống để sưu tầm, tư liệu hóa, làm rõ những giá trị đang tồn tại; đồng thời tận dụng công nghệ để mở rộng không gian lưu giữ, giới thiệu và truyền dạy văn hóa dân gian.

Văn hóa là nguồn lực nội sinh

“Giữ bản sắc văn hóa là chúng ta phải bảo vệ được giá trị về vật chất và tinh thần tốt đẹp, tính độc đáo của văn hóa; đồng thời khẳng định cái riêng, tính độc lập, từ đó tạo ra sức mạnh và gắn kết với cộng đồng”, ông Lê Minh Tuấn, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trao đổi. Theo ông, trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng, văn hóa cần được nhìn nhận là nguồn lực nội sinh quan trọng của quá trình phát triển. Quảng Trị có hệ thống di sản lịch sử, văn hóa phong phú, những giá trị truyền thống được trao truyền qua nhiều thế hệ và đặc biệt là phẩm chất tốt đẹp của con người được hun đúc từ lịch sử, như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, nghĩa tình, cần cù và sáng tạo.

“Điều quan trọng là chúng ta không bảo tồn văn hóa theo cách đóng khung quá khứ. Di sản phải tiếp tục sống trong cộng đồng, được thế hệ trẻ tiếp nhận, sáng tạo và trao truyền bằng những phương thức phù hợp với thời đại. Những giá trị văn hóa truyền thống cần được kết nối với giáo dục, du lịch, truyền thông, công nghiệp văn hóa và không gian số để tạo ra cách tiếp cận mới, giúp văn hóa đến gần hơn với công chúng và mở rộng khả năng lan tỏa. Khi người dân hiểu, tự hào và trở thành chủ thể của văn hóa, bản sắc sẽ trở thành sức mạnh mềm, tạo nên sự khác biệt và lợi thế của Quảng Trị trong quá trình hội nhập”, ông Lê Minh Tuấn chia sẻ.

Thực tế thời gian qua trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cho thấy, những câu chuyện lịch sử, di sản văn hóa và giá trị cộng đồng có thể trở thành chất liệu cho du lịch, giáo dục, truyền thông và công nghiệp sáng tạo. Nhiều di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn tỉnh trở thành điểm đến hấp dẫn du

khách. Nhiều lễ hội đã tạo nên sức hút đặc biệt, níu chân lữ khách... Đây là cách để tạo nên một vòng tròn phát triển trong đó di sản tạo ra giá trị kinh tế, xã hội; nguồn lực từ phát triển quay trở lại hỗ trợ cộng đồng và công tác bảo tồn.

Con người là chủ thể

Nếu di sản là ký ức của một vùng đất thì con người là chủ thể làm cho những ký ức ấy tiếp tục sống động. Vì vậy, xây dựng con người phải là điểm đến của mọi chính sách văn hóa. Cùng với bảo tồn di sản, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở tạo nên nền tảng để những giá trị ấy tiếp tục được nuôi dưỡng. Năm 2025, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai mạnh mẽ trên toàn tỉnh với 84,2% thôn, tổ dân phố được tặng danh hiệu văn hóa. Hệ thống thiết chế văn hóa tiếp tục được củng cố. Phía sau những con số ấy là nhiều chuyển biến trong đời sống: Giữ gìn môi trường, xây dựng nếp sống văn minh, chăm lo khuyến học, phát huy tinh thần cộng đồng, từng bước loại bỏ hủ tục và vun đắp giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ, làng xóm. Đó cũng là nền tảng để xây dựng con người Quảng Trị trong thời kỳ mới.

Những phẩm chất như lòng

yêu nước, tinh thần đoàn kết, nghĩa tình, cần cù, trung thực, tự lực, tự cường đã được hun đúc qua lịch sử và trở thành những giá trị đáng quý của con người Quảng Trị. Trong thời kỳ hội nhập, những giá trị ấy cần được tiếp nối bằng năng lực sáng tạo, khả năng thích ứng, tư duy số và tinh thần chủ động hội nhập. Một người trẻ làm du lịch từ câu chuyện quê hương, một nghệ nhân truyền dạy dân ca, một doanh nghiệp đưa sản phẩm địa phương ra thị trường hay một nhà sáng tạo kể câu chuyện lịch sử bằng ngôn ngữ số... đều đang góp phần làm mới văn hóa từ chính đời sống hôm nay.

Sau sáp nhập, Quảng Trị có cơ hội định hình một không gian văn hóa rộng lớn hơn. Nhưng bản sắc không tự nhiên hình thành từ sự cộng gộp của những di sản. Bản sắc chỉ trở thành sức mạnh khi con người nhận diện, trân trọng và tiếp tục sáng tạo từ những giá trị của mình. Hội nhập vì thế không phải lựa chọn giữa truyền thống và hiện đại. Đó là khả năng mang những giá trị tốt đẹp của quá khứ bước vào hiện tại bằng tư duy mới; để thế hệ trẻ có thể đi xa mà không quên nguồn cội, để di sản được bảo tồn nhưng không đứng yên, để văn hóa được làm mới nhưng không mất đi “căn cước” của mình.



Nhiều lễ hội truyền thống vẫn được các địa phương bảo tồn và phát huy giá trị - Ảnh: D.H

Tạo diện mạo mới cho kinh tế Quảng Trị

Bắt đầu được định hình trong những ngày đầu đất nước thực hiện chính sách đổi mới vào năm 1986, khu vực kinh tế tư nhân đã trải qua một hành trình phát triển ngoạn mục. Sự thay đổi căn bản về nhận thức trong 40 năm qua không chỉ “cởi trói” cho tư duy, mà còn tạo nên một diện mạo mới cho kinh tế Quảng Trị với hơn 9.000 doanh nghiệp (DN) đang hoạt động sôi động trên nhiều lĩnh vực.



Ra mắt Ban Chấp hành Hội Doanh nghiệp tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 - Ảnh: M.L

□ LÂM THANH

Buổi đầu đầy thử thách

Ông Võ Thái Hiệp, Chủ tịch Hội DN tỉnh, nhớ lại: Năm 1989, thời mới chia tách tỉnh Bình Trị Thiên, tỉnh Quảng Trị cũ bước vào cơ chế thị trường với xuất phát điểm gần như bằng không. Ông Hiệp từ cán bộ kế hoạch của một ND nhà nước trên lĩnh vực lâm nghiệp đã quyết định xin nghỉ việc và thành lập công ty tư nhân. “Người làm kinh tế bước ra khỏi thời bao cấp hoàn toàn bỡ ngỡ, xa lạ với cách tự quản lý, khai thác thị trường. Quyết định từ bỏ “chiếc ô” bao cấp an toàn để tự chủ hoàn toàn lúc bấy giờ là một cuộc “vượt rào” trong tư tưởng mà không phải ai cũng dám làm”, ông Hiệp nói.

Còn ông Lê Xuân Tế, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Thương mại Hiếu Hằng-1 trong 4 người thành lập DN tư nhân đầu tiên của tỉnh Quảng Bình cũ vẫn

nhớ như in buổi đầu quyết định rời ghế giám đốc công ty thương nghiệp nhà nước vào năm 1999 để mở công ty tư nhân. Ông Tế cho biết: “Từ quản lý, kế toán, thủ quỹ đến bán hàng, tôi đều làm. Ngày đi giao dịch, khai thác thị trường nhưng đêm về còn ngồi đóng gói từng bao đường. Thời điểm này dù chính sách của Trung ương ban hành đã cởi mở cho việc phát triển kinh tế tư nhân, tuy nhiên, từ quyết sách vĩ mô đến thực tế là khoảng cách khá xa. Người làm kinh tế tư nhân như chúng tôi lúc bấy giờ vẫn gặp những định kiến khắt khe của xã hội như việc đảng viên làm kinh tế riêng hay buôn bán là “đầu cơ tích trữ”, phai nhạt lý tưởng cách mạng...”. Ông Tế nêu một ví dụ cụ thể như thời điểm năm 2004, Công ty TNHH MTV Hiếu Hằng sau hơn 4 năm đi vào hoạt động nhưng khi xin địa phương cấp đất để xây dựng trung tâm thương mại tại thị xã Đồng Hới vẫn gặp

không ít khó khăn. Dư luận thời đó cho rằng thị xã Đồng Hới nhỏ bé thì ai mua bán gì mà xây trung tâm thương mại nên không được quan tâm. Hai năm sau ý tưởng mở trung tâm thương mại của ông mới trở thành hiện thực.

Những năm sau, cùng với cơ chế ngày càng cởi mở, thông thoáng của Đảng, Nhà nước và sự năng động, dám nghĩ, dám làm của bản thân, ông Tế đã chủ động tìm cách liên kết với đối tác, bạn hàng để phân phối các sản phẩm điện máy, điện lạnh có thương hiệu của nước ngoài, đồng thời hoàn chỉnh mô hình quản lý. Hiện DN chuyên kinh doanh các loại sản phẩm mô tô, xe máy, phụ tùng chính hãng với chuỗi cửa hàng phát triển rộng khắp từ Quảng Trị đến Huế. Từ 4-5 nhân sự ban đầu, Công ty TNHH MTV Thương mại Hiếu Hằng đã có 150 cán bộ, nhân viên, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Động lực thúc đẩy tăng trưởng

Hành trình bút phá sau 40 năm đổi mới của khu vực tư nhân được minh chứng rõ nét qua những con số ấn tượng. Từ vài chục cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ buổi ban đầu, toàn tỉnh hiện có hơn 11.000 DN đăng ký thành lập, trong đó hơn 9.000 DN đang hoạt động hiệu quả với tổng vốn đăng ký vượt mốc 120.000 tỉ đồng. Khu vực tư nhân đã khẳng định vị thế động lực nòng cốt khi thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đóng góp lớn vào GRDP, nguồn thu ngân sách và giải quyết việc làm ổn định cho hàng chục nghìn lao động địa phương. Nhiều thương hiệu tư nhân đã vươn tầm quốc tế, làm chủ các sản phẩm ưu việt, đi đầu trong phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng. Việc ngày càng nhiều nhà đầu tư, DN lựa chọn Quảng Trị làm điểm đến khởi nghiệp chính là minh chứng sinh động nhất cho sức hút và sức sống của nền kinh tế tỉnh.

Sự trưởng thành của kinh tế tư nhân Quảng Trị không chỉ dừng lại ở sự gia tăng về số lượng, mà còn ghi dấu bước phát triển vượt bậc về chất. Sau sáp nhập tỉnh, tháng 12/2025, Đại hội Hội DN tỉnh lần thứ I được tổ chức, đánh dấu mốc quan trọng khi quy tụ những người làm chủ trên thương trường dưới một mái nhà chung. Sự hợp lực này tạo nên một khối đại đoàn kết bền chặt, giúp các ND cùng hỗ trợ nhau trong quản trị, chia sẻ nguồn lực, mở rộng thị trường. Không chỉ nhạy bén trong kinh doanh, cộng đồng doanh nhân Quảng Trị còn là hạt nhân gánh vác trách nhiệm xã hội, luôn đồng hành với chính quyền địa phương trong các phong trào an sinh xã hội.

Trong định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030, tỉnh Quảng

Trị xác định mục tiêu xây dựng nền kinh tế theo hướng xanh, bền vững, toàn diện và hội nhập, với 4 trụ cột chiến lược: Năng lượng, logistics, du lịch và nông nghiệp xanh. Tỉnh đặt quyết tâm đạt tốc độ tăng trưởng GRDP từ 9%-10%/năm. Để hiện thực hóa tầm nhìn đó, Quảng Trị đặt niềm tin và kỳ vọng vào đội ngũ doanh nhân, DN, những người đang trực tiếp đầu tư, đổi mới công nghệ, hội nhập và kiến tạo giá trị bền vững cho quê hương, tạo việc làm cho người lao động. Mới đây, tại hội nghị phát động phong trào thi đua “Quảng Trị quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững 2 con số, giai đoạn 2026-2030”, đồng chí Hoàng Nam, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh nhấn mạnh quan điểm nhất quán của

tỉnh là: “DN phát triển thì Quảng Trị phát triển. Sự thành công của DN chính là thước đo quan trọng nhất cho năng lực quản trị, điều hành và chất lượng phục vụ của bộ máy chính quyền”.

Hiện nay, Quảng Trị đang đứng trước những cơ hội bút phá chưa từng có. Hệ thống hạ tầng giao thông kết nối ngày càng hoàn thiện cùng hàng loạt dự án trọng điểm về năng lượng và logistics quy mô lớn đang được triển khai. Bên cạnh đó, du lịch cũng đang nổi lên như một động lực tăng trưởng mới. Việc đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật là điều kiện thuận lợi, mở ra dư địa phát triển, giúp các DN địa phương chuyển mình, gia nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng của thị trường; sẵn sàng đưa Quảng Trị cất cánh trở thành cực tăng trưởng mới ở khu vực miền Trung.



Doanh nghiệp phát triển tạo việc làm ổn định cho lao động địa phương - Ảnh: M.L

Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986) khởi xướng công cuộc đổi mới, đề ra chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Tư tưởng này tiếp tục phát triển qua những kỳ đại hội tiếp theo của Đảng. Đến Đại hội XIII của Đảng (năm 2021), kinh tế tư nhân được coi là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Đặc biệt, ngày 4/5/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, đưa khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Có thể thấy rằng, 40 năm qua, Đảng đã có những thay đổi căn bản quan điểm, nhận thức về vai trò và sự cần thiết của phát triển kinh tế tư nhân bên cạnh vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước.

Đô thị xanh bên dòng Nhật Lệ



Với những “nhịp cầu mơ”, bán đảo Bảo Ninh
giữa ba bề sông nước trở nên gần hơn
với trung tâm tỉnh lỵ - Ảnh: H.TR

Trải qua nhiều thăng trầm, biến động, Đồng Hới luôn mang sứ mệnh quan trọng trong tiến trình phát triển của quê hương. Được thiên nhiên ưu ái có rừng, có bờ biển dài và đẹp, có bán đảo Bảo Ninh ví như “hòn ngọc biển Đông”, với bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng cùng bàn tay, khối óc lao động sáng tạo của bao thế hệ người dân đã trở thành sức mạnh nội sinh để Đồng Hới nắm bắt cơ hội, hiện thực khát vọng không ngừng vươn lên tầm cao mới...

□ HƯƠNG TRÀ

Kỳ tích Đồng Hới

Theo sử sách, địa danh Đồng Hới có từ lâu đời. Năm 1883, nhà Nguyễn ký hòa ước thừa nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp ở Trung Kỳ. Hai năm sau, quân viễn chinh Pháp kéo vào chiếm đóng Động Hải. Cú điểm quan trọng này trở thành nơi đặt bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở tỉnh Quảng Bình cũ. Từ đó vùng đất này có tên là Đồng Hới và trở thành một thị xã tỉnh lỵ. Năm 1939, khi Pháp cho lập bộ máy quản lý hành chính cấp thị xã, Đồng Hới có 7.000 người, đời sống kinh tế dựa vào các nghề, như: Đánh bắt thủy sản, nông nghiệp, mộc, nề, may mặc, chạm trổ, đúc đồng...

Từ sau Cách mạng tháng Tám thành công đến nay, tổ chức bộ máy hành chính Đồng Hới qua nhiều lần thay đổi phù hợp với tình hình đặc điểm trong từng

giai đoạn cách mạng. Địa giới hành chính của Đồng Hới cũng vì vậy mà trải qua nhiều lần biến động. Dù ở giai đoạn lịch sử nào, Đồng Hới vẫn vươn mình trở dậy, phát triển trên tất cả các lĩnh vực kinh tế-xã hội, giữ vững quốc phòng-an ninh.

Với những nỗ lực xây dựng kiến thiết không ngừng, năm 2003, thị xã Đồng Hới được công nhận đô thị loại III trực thuộc tỉnh. Năm 2004, TP. Đồng Hới được thành lập trên cơ sở thị xã Đồng Hới. Năm 2014, Đồng Hới được công nhận, nâng tầm lên đô thị loại II.

Hòa trong dòng chảy lịch sử cùng quê hương, đất nước, năm 2025, Đồng Hới chia tách, sáp nhập, trở thành đô thị, trung tâm tỉnh lỵ mới của tỉnh Quảng Trị. Dù đơn vị hành chính thị xã, thành phố hay phường thì người dân Đồng Hới vẫn luôn tự hào với danh xưng được gắn bó, giữ gìn từ bao đời nay.

Dấu ấn những công trình

Trên cơ sở hợp nhất 8 phường, xã, Đồng Hới có diện tích tự nhiên trên 41km², dân số gần 85.000 người. Đây là địa bàn tập trung các cơ quan, tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, là hạt nhân trong cấu trúc phát triển đô thị trung tâm của tỉnh mới.

Chủ tịch UBND phường Đồng Hới Hoàng Ngọc Đan cho biết: Được kế thừa trên nền tảng của TP. Đồng Hới cũ, những năm qua, diện mạo phường Đồng Hới hình thành khang trang, văn minh; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư, nâng cấp đồng bộ hơn, tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài; khẳng định vị thế, tầm vóc của đô thị trung tâm đối với sự phát triển chung của tỉnh nhà. Nhiều dự án phát triển hạ tầng-xã hội được đầu tư, như: Giao thông, điện

chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, trường học, y tế, công viên; nhiều tuyến phố chính được chỉnh trang, cải tạo, trồng cây xanh, tạo điểm nhấn cảnh quan và nâng cao chất lượng môi trường sống... Dấu ấn đặc biệt từ những nhịp cầu nối đôi bờ trung tâm với “hòn ngọc” Bảo Ninh, mở ra cơ hội phát triển kinh tế mạnh mẽ, góp phần thay đổi căn bản bộ mặt đô thị, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân. Sẽ không còn lâu nữa, dự án cầu Nhật Lệ 3 hoàn thành, tạo nên cấu trúc hoàn hảo cho sự phát triển toàn diện của đô thị bên bờ biển biếc.

Ngược thời gian về với những năm đầu của thập niên đầu tiên thế kỷ XXI, khi TP. Đồng Hới được thành lập, niềm mơ ước bao thế hệ cư dân Đồng Hới trở thành hiện thực, 15 nhịp cầu đã nối liền đôi bờ sông Nhật Lệ...

Ông Nguyễn Công Định (SN 1951), cựu chiến binh, ngư dân ở tổ dân phố Bảo Ninh 2 vẫn bồi hồi khi nhớ lại ngày mùa thu năm 2004, thời khắc khánh thành đưa vào sử dụng cầu Nhật Lệ 1: “Tôi sinh ra, lớn lên từ làng biển Bảo Ninh, các thế hệ gia đình tôi cũng gắn bó với nơi này. Tôi nhận thấy chưa bao giờ Đồng Hới đẹp như hôm nay. Kể từ khi cầu Nhật Lệ 1 nối làng biển với trung tâm Đồng Hới, Bảo Ninh, đến nay, cuộc sống người dân Bảo Ninh thay đổi vượt bậc, vùng quê biển khởi sắc trở thành trung tâm du lịch của tỉnh với sự hội tụ của hàng loạt khách sạn cao cấp, resort mang tầm đẳng cấp quốc tế...”.

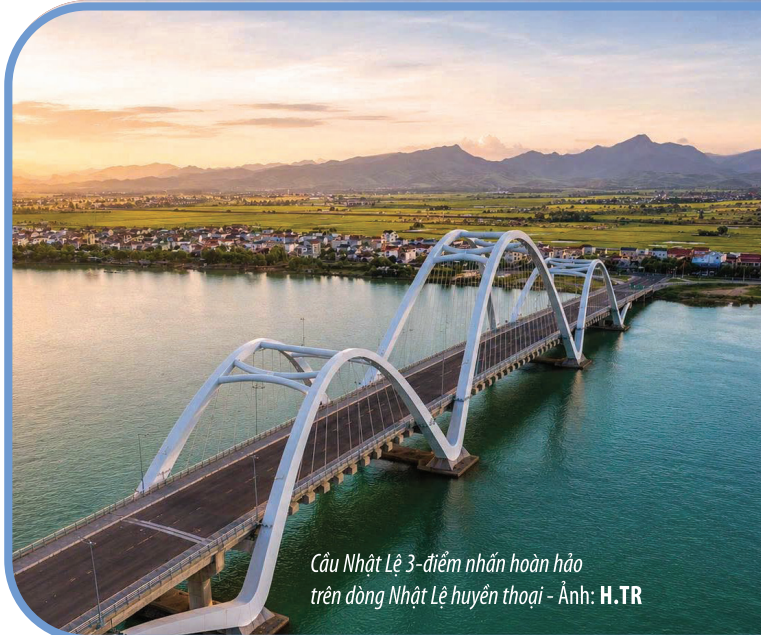
“Hòn ngọc” Bảo Ninh hôm nay có vị thế quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội của quê hương. Nhiều nhà đầu tư với những dự án du lịch nghỉ dưỡng đạt tầm quốc tế hình thành. Các khu đô thị Bảo Ninh 1, Bảo Ninh 2, quảng trường biển Ledend Sea Walk, Celina Peninsula Resort, Voco Quảng Bình đã đưa vào sử dụng. Một số dự án đang tiếp tục triển khai, như: Khu đô thị Bảo Ninh 3, 4, 5, 6, 8 và khu đô thị Hadaland; các tổ hợp khách sạn như: Dolce Quảng Bình, Wyndham Quang Binh Golf & beach resort...

Bản sắc riêng

Trước bối cảnh hội nhập và yêu cầu phát triển mới, Đồng Hới xác định phải vượt qua những thách thức; khai thác không gian ven biển một cách bền vững, vừa phát triển kinh tế, vừa bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và đặc biệt là giữ bản sắc riêng.

“Phường ưu tiên phát triển hệ thống cây xanh, tạo lập các không gian công cộng, công viên, quảng trường, vừa làm nơi sinh hoạt cộng đồng, vừa nâng cao chất lượng môi trường sống... Đồng thời liên kết, kết nối quy hoạch với các phường Đồng Thuận, Đồng Sơn và các địa phương lân cận hình thành một chỉnh thể phát triển đồng bộ, liên thông, không bị chia cắt hay đứt gãy về không gian đô thị; tập trung gắn kết chặt chẽ với các tuyến hành lang kinh tế trong khu vực, phấn đấu trở thành một trong những trung

tâm giao thương, du lịch biển của khu vực miền Trung. Cùng đó là chú trọng phát triển hạ tầng số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành, hướng tới xây dựng đô thị thông minh, phục vụ tốt nhất nhu cầu của Nhân dân. Từ đó kết hợp hài hòa giữa bảo tồn di sản, văn hóa truyền thống với kiến trúc hiện đại, tạo nên bản sắc riêng có của đô thị Đồng Hới”, Chủ tịch UBND phường Đồng Hới Hoàng Ngọc Đan chia sẻ.



Bí thư Đảng ủy phường Đồng Hới Phan Mạnh Hùng khẳng định, với định hướng đúng, giải pháp khả thi, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân phường Đồng Hới sẽ phát huy nội lực, tiềm năng, lợi thế và sáng tạo, tranh thủ ngoại lực để đầu tư hạ tầng kỹ thuật xứng tầm, sớm về đích các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đô thị; đặc biệt là tạo dựng không gian của một đô thị xanh, văn minh, giàu bản sắc.

● TRẦN ĐÌNH NGÔN

Người viết sử là người thầy dạy sử

Có một người thầy đứng lặng bên trang sách
phấn trắng gieo vào mắt học trò xanh
mỗi bài giảng như một dòng sông chảy
đưa hồn dân tộc qua bão lửa chiến tranh

Người kể chuyện những mùa thu giữ nước
những Bạch Đằng sóng vỗ ngàn năm
những tên đất, tên người thuở trước
đều hóa thành mạch đập ở trong tâm

Rồi một ngày Tổ quốc gọi lên đường cứu nước
Người lặng lẽ khép lại trang bài
tấm bảng đen vẫn còn thơm mùi phấn
đã nhường đường cho bản đồ tương lai

Không còn giảng những trận đánh vang dội
Người cùng dân viết tiếp những chiến công
mỗi bước tiến viết thêm trang sử mới
mỗi chiến hào bùng sáng cả non sông

Có chiến thắng không chỉ bằng gươm súng
mà bằng lòng son trí tuệ Việt Nam
rời bục giảng Người đi vào thế kỷ
để tìm mình hòa với dáng giang san

Hôm nay đọc những trang sử vàng dân tộc
con bồi hồi gặp lại bóng Người xưa
Đại tướng lưng danh là người thầy dạy sử
để đất nước xanh mãi đến bây giờ.



Minh họa - S.T

● NGUYỄN THỊ BỘI NHIÊN

Chu

Những chiếc lá thu vàng
Không lời ca tiếng hát
Rớt vào chiều mệnh mang

Ai đi qua hoàng hôn
Để lại một nụ cười
Gieo bằng khuâng vào thu

Có trái tim thầm lặng
Ôm thương nhớ rồi rời
Trước mùa thu chơi vơi.

● NGUYỄN NGỌC PHÚ

Chớm thu

Sáng nay thu về trước ngõ
Chùng chình ngọn gió heo may
Sương giăng se dần ngọn cỏ
Có gì thoáng thốt mây bay.

Sông quê vui đầy con nước
Chợ quê ngọt tiếng chào mời
Vườn quê quả vừa chín mọng
Trăng rằm vào tuổi đôi mươi.

Anh vừa đi qua mùa hạ
Vin cành định hái chùm thơm
Bàn tay cứ e ngại quá
Chớm thu mưa nắng thất thường.

Em vừa đưa tiễn bước chân
Chưa dễ vòng qua trước cửa
Cứ đợi thu về lấy cớ
Cho hồ sóng gợn bắn khoanh.

Trời thu xanh đến tận ngàn
Chớm thu chạm vào ảo ảnh
Có cơn mưa rào chợt tạnh
Cuối trời dậy tiếng sấm non.



Minh họa - H.H

● KIM CƯƠNG

Chàng tám về

Tháng tám trở mình trong vòm lá biếc
Gió chờ mùa qua những vệt thời gian.
Có sắc nắng rơi lên màu cờ đỏ
Như lửa ngày nào còn ấm đáy tim.

Tôi nhật lại một khoảng trời xanh cũ
Nơi tuổi xuân gửi phía những chặng đường.
Dấu chân lặng hòa vào trong đất nước
Như phù sa bồi lắng lẽ dòng sông.

Chiều nghiêng xuống, tóc bạc rồi như mây
Chỉ ánh mắt vẫn xanh màu tháng tám.
Xin được hóa một hạt phù sa nhỏ
Bồi đắp bờ cho Tổ quốc mai sau.



Minh họa - H.H



● NGUYỄN HỮU THẮNG

Khúc hát thiêng liêng

Tiến quân ca tôi hát vạn lần rồi
Vẫn rung rưng khi mỗi lần được hát
“Đoàn quân Việt Nam đi
Chung lòng cứu quốc...”
Âm hưởng hào hùng nức nghẹn triệu con tim

Tiếng hát vang lên trước máy chém, xà lim
Trong đêm lạnh giữa rừng Việt Bắc
Trong mệnh mông bung biển Đồng Tháp
Trong chiến hào đất cả tiếng bom rơi

Tiến quân ca vang vọng giữa trùng khơi
Nơi Tổ quốc những đảo chìm, đảo nổi
Tiến quân ca và sắc cờ chói lọi
Trên khán đài những giải đấu thể thao...

Để hôm nay trong cảm xúc dâng trào
Tôi được hát trong khán phòng đại hội
Trong âm hưởng hào hùng, vang dội
Triệu linh hồn đang về hát cùng tôi

“Đoàn quân Việt Nam đi...”
Kỷ nguyên mới đến rồi
Những bước đi vươn mình, cất cánh
“Thắng gian lao...” xây cuộc đời tươi sáng
Mãi vững bền Tổ quốc Việt Nam ơi!



Minh họa - T.H

● NGUYỄN VĂN DỪNG

Khúc mùa thu

Bỗng nhiên trời xanh cao vút
mây hồng lãng đãng rong chơi
gió lang thang tìm nơi ở trọ
giọt mưa chiều tí tách rơi rơi

Thu dạo phố cho lòng luyến nhớ
vườn bên sông đã rộ cúc vàng
cốm thơm nức má em hồng quá
mắt đen lay láy dò ngang

Có đôi khi hẹn hò thấp thỏm
men tình yêu dịu nhẹ nồng nàn
Thu chợt đến cho lòng mở hội
đã qua rồi nắng cháy mưa chan

Thu buổi đầu hồn nhiên trẻ lại
hình như thơ thêm vị ngọt ngào
Thu mang mùi hương thoang thoảng
khúc ru tình dào dạt trắng sao

Sáng thu nay tiếng chim nhiều quá
không gian ngưng đọng phút giây này
thu long lanh nụ cười ánh mắt
và niềm yêu lai láng dâng đầy.



Minh họa - H.P

● NGUYỄN VĂN TRÌNH

Về với biển Cửa Tùng

Khi anh về với biển Cửa Tùng
Biển mặn – khiến lòng anh xao xuyến
Gió hát xôn xao, lồng lộng bến bờ
Bãi Nữ Hoàng, thiết tha bao nỗi nhớ

Biết nói gì trước biển chiều nay
Trước xanh xa, thanh khiết bao ngày
Trước vẻ đẹp nồng say của biển
Trước giản dị hồn nhiên, cuộc sống con người

Anh lặng nhìn cát trắng tinh khôi
Chỉ còn anh với nụ cười sóng vỗ
Với biển xanh, cát trắng vỗ bờ
Với tình yêu muôn đời của biển

Khi anh về với biển Cửa Tùng
Biển thao thức, ngàn đời vẫn thế
Biển đắm say như nỗi nhớ tình yêu
Cửa Tùng ơi! Người đẹp yêu kiều
Nữ Hoàng đó, nàng kiều sa lộng lẫy
Xôn xao, náo nức muôn chiều người ơi...!

Tiếp nối NGỌN LỬA TUỔI TRẺ



Đoàn viên, thanh niên lắng nghe, lưu giữ những câu chuyện lịch sử - Ảnh: Q.H

Đi qua những đau thương, mất mát của chiến tranh, Quảng Trị hôm nay đang vươn mình mạnh mẽ cùng đất nước. Đảng sau sự đổi thay ấy là một hành trình truyền lửa bền bỉ của những trái tim trẻ đầy nhiệt huyết. Từ ngọn lửa lớp trước trao truyền, họ đã và đang thắp sáng tương lai bằng tinh thần xung kích, tình nguyện”...

□ TÂY LONG

Từ màu áo xanh trên đại công trình năm xưa

Đúng dịp kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, một cuộc hạnh ngộ giữa các cựu cán bộ, nhân viên Tỉnh đoàn Bình Trị Thiên đã được tổ chức ấm cúng tại phường Đồng Hới. Hôm ấy, nhiều cựu cán bộ Đoàn tóc đã chuyển bạc chọn khoác lên mình chiếc áo xanh tình nguyện. Rưng rưng gặp lại nhau, họ như trở về một thời trẻ trung, sôi nổi...

Ở tuổi ngoài 70, ông Lê Hữu Thăng, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh vẫn mang phong cách nhanh nhẹn của một cán bộ Đoàn năm xưa. Ông Thăng từng là Bí thư Tỉnh đoàn Bình Trị Thiên từ năm 1986-1989. Sau khi Quảng Trị trở về với tên riêng, ông có thời gian vừa làm Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy kiêm nhiệm Bí thư Tỉnh đoàn. Thời trai trẻ, cùng các cán bộ Đoàn khác, ông Thăng đã rong ruổi khắp các miền quê, làm nên nhiều phong trào lớn như: “Bình Trị Thiên quật khởi”, “Ba xung kích tập thể”, “Thanh niên tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, “Hành quân theo bước chân những người anh hùng”, bảo vệ biên giới phía Bắc, làm thủy nông... Đặc biệt, ký ức những ngày đổ mồ hôi trên đại công trình thủy nông Nam Thạch Hãn vẫn vẹn nguyên trong tâm trí ông. “Nhắc lại quá khứ để hướng tới tương lai, điều

khiến tôi ấm lòng là nhìn thấy tuổi trẻ hôm nay đã bắt trọn nhịp đập của thời đại. Các bạn đã viết tiếp câu chuyện của chúng tôi bằng một “ngôn ngữ” mới, đầy sức thanh xuân”, ông Thăng chia sẻ.

Điều khiến ông Lê Hữu Thăng và nhiều cựu cán bộ Đoàn rất ghi nhận, là dù ở một thời điểm nào, các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, trong đó đặc biệt nhất là giáo dục truyền thống cách mạng được các cấp bộ Đoàn rất quan tâm. Trong những ngày vang vọng hào khí Cách mạng Tháng Tám hôm nay, nhiều bạn trẻ đã đến tận nhà các nhân chứng lịch sử để ghi lại ký ức về một thời hoa lửa với mong muốn gìn giữ cho mai sau.

Theo Phó Bí thư Tỉnh đoàn, Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam tỉnh Nguyễn Quốc Toàn, từ khi đề án “Câu chuyện thời hoa lửa” được triển khai đến nay, tuổi trẻ Quảng Trị đã đăng tải hơn 39 nghìn câu chuyện trên hệ thống của Trung ương Đoàn. Nỗ lực ấy đã góp phần tạo nên “dấu ấn Quảng Trị” trong “thư viện ký ức” Việt Nam. “Tiếp nối thế hệ người làm công tác Đoàn đi trước, chúng tôi hiểu rằng, trân quý quá khứ cũng chính là cách để ta dựng xây tương lai. Sinh ra, lớn lên ở một đất nước, miền quê lưu dấu biết bao trang sử vàng, chúng tôi xác định, mỗi công trình, phần việc của tuổi trẻ hôm nay đều phải ý nghĩa, thiết thực, có tính giáo dục cao”, anh Toàn khẳng định.

... đến sức trẻ làm nên “Bình dân học vụ số”

Nếu như ở thời điểm 40 năm trước, sức trẻ Bình Trị Thiên in dấu theo bước chân bảo vệ biên giới hay giọt mồ hôi trên đại công trình thì hôm nay, mặt trận của thanh niên Quảng Trị đã chuyển sang không gian mới, đó là khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Bắt nhịp thời đại, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã phát động phong trào “Tuổi trẻ Quảng Trị tiên phong trong kỷ nguyên mới”. Không còn là những khẩu hiệu chung chung, tinh thần xung kích của tuổi trẻ được cụ thể hóa bằng các mô hình đáp ứng yêu cầu thực tế như: Thành lập các đội hình chuyển đổi số tại cơ sở, góp sức dựng xây tổ công nghệ số cộng đồng, triển khai mô hình “Số hóa địa chỉ đỏ”, điểm truy cập internet cộng đồng...

Mới đây, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã tổ chức lễ ra mắt đội hình tình nguyện “Bình dân học vụ số vùng biên”. Chia sẻ về nhiệm vụ đặc biệt này, chị Ngô Viết Phương Nhung, thành viên Ban Chủ nhiệm cho biết: “Với 33 thành viên, chúng tôi không quản ngại khó khăn hỗ trợ người dân khu vực biên giới, giúp bà con đến gần hơn với công nghệ, biết dùng dịch vụ công trực tuyến, đưa nông sản lên sàn thương mại điện tử... Giống như cha anh ngày trước nhưng với cách làm mới, chúng tôi mang tri thức số đến những nơi còn nhiều khó khăn, người dân cần mình”.

Nhờ sự vào cuộc không mệt mỏi của cán bộ Đoàn, đoàn viên, thanh niên với công tác Đoàn,

phong trào thanh niên nói chung, phong trào “Tuổi trẻ Quảng Trị tiên phong trong kỷ nguyên mới” nói riêng, một làn sóng mạnh mẽ đã hình thành. Không còn thờ ơ hay đứng ngoài cuộc, nhiều người dân đã chủ động đồng hành, hỗ trợ các bạn trẻ xây dựng hoạt động, phong trào. Màu áo xanh tình nguyện không còn chỉ xuất hiện trong các hoạt động bề nổi, mà đã đi sâu vào đời sống thường nhật.

Nguồn năng lượng trẻ

Theo số liệu thống kê của Tỉnh đoàn, hiện nay, toàn tỉnh có hơn 321 nghìn thanh niên. Sau nhiều nỗ lực dựng xây, tổ chức đoàn trên địa bàn ngày càng phát triển vững mạnh, “phủ sóng” rộng khắp, từ vùng biên viễn đến những miền quê chân sóng. Nguồn năng lượng trẻ trung, dồi dào của tuổi trẻ Quảng Trị đã tạo ra đa dạng hoạt động, phong trào sôi nổi quanh năm. Nhiều phong trào lan tỏa rất mạnh mẽ như: “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc”... Các chương trình đồng hành với thanh niên của Tỉnh đoàn Quảng Trị sớm trở thành người bạn tin cậy của nhiều người trẻ trong học tập, khởi nghiệp, lập nghiệp, rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống...

Tuổi trẻ Quảng Trị hôm nay đã và đang tiếp nối trọn vẹn những mô hình hay, cách làm hiệu quả của lớp người đi trước, viết tiếp trang sử mới cho quê hương, mang đậm hơi thở của cuộc sống hiện đại với sự “giàu có” về tri thức, bản lĩnh chính trị và cháy bỏng khát vọng vươn xa.



Đoàn viên, thanh niên Quảng Trị chung tay xây dựng nông thôn mới - Ảnh: Q.H

Tình hữu nghị Việt-Lào đặc biệt

**Nghề báo giúp tôi được đặt chân đến nhiều bản làng
biên giới Việt-Lào ở tỉnh Quảng Trị để mắt thấy, tai nghe
về một tình hữu nghị đặc biệt anh em...**



Giao lưu kết nghĩa giữa hai bản Ka Tăng và Đen-sa-vẳn tháng 6/2026

- Ảnh: P.X.D

❑ PHẠM XUÂN DỨNG

Trước đây, khóm Ka Tăng (còn gọi bản Ka Tăng) thuộc thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, nay thuộc xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị, nơi người dân sinh sống của bà con dân tộc thiểu số Vân Kiều. Từ khi Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo được nâng cấp, Nhà nước đã có chủ trương tái định cư cho bản Ka Tăng để bà con có được một cuộc sống ổn định hơn, tiếp tục giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ an ninh biên giới...

Đối diện với bản Ka Tăng, bên kia biên giới cách một dòng sông là bản Đen-sa-vẳn thuộc huyện

Sê Pôn, tỉnh Sạ-vẳn-na-khệt, Lào. Tháng 4/2005, theo sáng kiến của Bộ đội Biên phòng, được hai nước chấp thuận, Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo đã chính thức tổ chức lễ giao lưu kết nghĩa giữa 2 bản, mở ra một chương mới trong ngoại giao nhân dân. Riêng ở Quảng Trị, các cặp bản ở biên giới Việt-Lào đã lần lượt kết nghĩa...

Đầu tháng 8 này, tôi lên lại Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo. Đại úy Hoàng Xuân Toàn thuộc Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo cho biết các cặp bản-bản kết nghĩa thuộc phạm vi đồn quản lý vừa tổ chức giao lưu: Thôn Ka Tăng với bản Đen-sa-vẳn, thôn Duy Tân với bản Phường, thôn Bích La Đông

với bản Mỹ Yên, thôn Cổ Thành với bản Ka Túp... Trưởng bản Ka Tăng Hồ Văn Hoan chia sẻ: "Giao lưu vừa qua giữa 2 bản vui lắm, như anh em một nhà". Trưởng bản Đen-sa-vẳn Kethang Thakhet cho hay, tình nghĩa giữa bà con hai bản rất thắm thiết!

Bên cạnh Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, ở phía Nam Quảng Trị có Cửa khẩu quốc tế La Lay, một vùng biên viễn phen dầu trọng yếu miền Tây của Tổ quốc vẫn đêm ngày bình yên giữa đại ngàn.

La Lay là một bản có đông đồng bào dân tộc thiểu số Pa Kô sinh sống, trước thuộc xã A Ngo, huyện Đakrông, nay thuộc xã La Lay. Tên cửa khẩu quốc tế cũng lấy từ tên

bản. Bà con nơi đây sinh sống giữa núi đồi, cư trú hai bên con đường chạy lên cửa khẩu Việt-Lào. Toàn thôn có 70 hộ với hơn 330 nhân khẩu. Bên cạnh những nóc nhà sàn cổ truyền là những ngôi nhà trệt như đồng bào miền xuôi là hình ảnh pha trộn khi giao lưu văn hóa giữa đồng bằng với vùng cao... Người dân địa phương dần có tiếp xúc với thế giới bên ngoài vẫn giữ được căn cốt văn hóa của mình. Đặc biệt, một đặc điểm dễ thấy ở biên cương, đồng bào luôn coi Bộ đội Biên phòng như người nhà của mình.

Khi chúng tôi đến thăm già làng Kôn Thương, một bậc cao niên của núi rừng La Lay. Ông kể nhiều chuyện về phong tục tập quán cần phải gìn giữ của miền sơn cước, từ những lễ hội quan trọng liên quan đến sản xuất nông nghiệp vùng cao như lễ hội lúa mới... Ông cho biết, tình cảm Việt-Lào thấm thiết là một lẽ tự nhiên. "Bản mình với các bản ở Lào tuy là thuộc hai nước khác nhau nhưng qua lại thăm nhau vì có quan hệ họ hàng, quen biết, rồi việc hiếu, việc hỷ đều có nhau cả", già làng Kôn Thương nói.

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã La Lay Hồ Chí Cường chia sẻ:

Bà con 2 bên biên giới thăm viếng nhau hằng ngày và vào những dịp lễ, Tết. Ví như bà con mình sang chúc Tết Lào thường gọi là Tết té nước theo phong tục của bạn. Tháng 4 vừa rồi chúng tôi qua chung vui với bạn, đó là dịp vui nhất của Lào. Rồi bạn lại sang chúc Tết cổ truyền Việt Nam. Từ đó, càng thêm hiểu nhau, có gì khó khăn cùng nhau tháo gỡ, tình cảm càng thêm gắn bó".

Đối với trung tá quân y biên phòng Lê Văn Đức dù đã xuất ngũ nhưng vẫn nhớ khôn nguôi những năm tháng công tác ở biên giới Việt Lào. Anh và các đồng nghiệp không chỉ chữa bệnh cho người dân địa phương mà còn tận tâm với những người dân của nước bạn Lào.

Bà Y Rên ở huyện Sa Muối, tỉnh Sả-là-văn (Lào) bị bệnh lao phổi nặng, gia đình khó khăn nên bà không có điều kiện đi bệnh viện điều trị. Biết được hoàn cảnh của bà, anh Đức tham khảo phác đồ điều trị của Bệnh viện Chuyên khoa Lao và bệnh Phổi tỉnh, sau đó kiên trì điều trị lành bệnh cho bà Y Rên.

Còn bà Y Hoàng ở bản A Sóc của huyện Sa Muối, nước bạn Lào bị viêm loét dạ dày lâu ngày

không chữa trị nên bệnh tình càng ngày càng nặng. Khi thăm khám, y sĩ Đức động viên bà cứ tin tưởng vào đội ngũ y, bác sĩ quân y. Sau hai tháng kiên trì điều trị, bà Y Hoàng đã hoàn toàn bình phục. Y sĩ Đức kể lại: "Khi bà Y Hoàng lành bệnh, người nhà tặng một con bê và buộc phải nhận món quà này vì đó là tấm lòng dân bản Lào biết ơn bộ đội biên phòng Việt Nam đã chữa hết bệnh cho dân bản".

Thiếu tướng Trần Đình Dũng, nguyên Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Bộ đội Biên phòng Việt Nam, nguyên Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh Quảng Trị - là người đưa sáng kiến kết nghĩa bản với bản hai bên biên giới. Sáng kiến này được triển khai rộng rãi bắt đầu từ tỉnh Quảng Trị và ngày càng phát huy hiệu quả ở những vùng biên viễn. Theo Thiếu tướng Trần Đình Dũng, biên giới nước ta hầu hết là biên giới mềm, khác với nhiều nước trên thế giới là biên giới cứng, họ có thể rào hàng rào dọc theo biên giới hàng vạn cây số. Còn biên giới của ta là sông, suối, đất liền, rừng núi. Hơn nữa, riêng tuyến Việt-Lào, do đặc điểm lịch sử, có một điều rất đặc biệt là người dân hai bên biên giới có quan hệ mật thiết với nhau, từ lâu đời và qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ lại càng thêm gắn bó. Họ có quan hệ họ hàng, thông gia, bạn bè... nên tuy việc nước, việc quan hệ quốc gia là nói câu chuyện vĩ mô, còn gom lại thì là chuyện hai bản, lại là láng giềng hữu nghị anh em. Nói tình hữu nghị đặc biệt là vì vậy. Cho nên mặc dù biên giới trên hiệp định, cột mốc trên thực địa là rất quan trọng, nhưng biên giới giữa lòng dân mới là yếu tố quyết định. Làm cho dân hiểu, dân gắn kết với vùng biên... là hiện thực hóa chủ trương biên phòng toàn dân, có lực lượng chuyên trách là Bộ đội Biên phòng làm nòng cốt. Đó mới là chuyện của quốc kế dân sinh lâu bền, vững chãi cho biên cương...



Bộ đội Biên phòng giúp người dân Lào cách trồng và chăm sóc cây cà phê

- Ảnh: P.X.D

Con đường ấm no

□ PHAN PHƯƠNG

Đổi thay những bản làng

Tháng 4/2000, đường Hồ Chí Minh thời kỳ công nghiệp hóa đất nước được khởi công xây dựng. Trong những tỉnh, thành có đường Hồ Chí Minh đi qua, tỉnh Quảng Trị vinh dự vừa có nhánh Đông và nhánh Tây. Riêng cung đường Hồ Chí Minh nhánh Tây từ ngã ba Khe Gát, xã Phong Nha đến Quốc lộ 9, xã Khe Sanh dài khoảng 250km. Hơn 2 thập kỷ hiện hữu, cung “đường xuyên Trường Sơn” thời kỳ đổi mới này đã thực sự làm tròn sứ mệnh mở lối phát triển, mang đến những đổi thay và cuộc sống ấm no cho người dân ở những bản làng cung đường này đi qua.

Từ Km 0 đến Km 20 đường Hồ Chí Minh nhánh Tây là 3 thôn Khe Gát, Thanh Sen và Chày Lập của xã Phong Nha. Trước năm 2000, cuộc sống của người dân nơi đây chủ yếu phụ thuộc vào rừng và sản xuất nông nghiệp bấp bênh vì khí hậu khắc nghiệt. Khi đường Hồ Chí Minh nhánh Tây mở ra, những tiềm năng của Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha-Kẻ Bàng được đánh thức, người dân nơi đây tham gia làm du lịch và cuộc sống đã có những đổi thay vượt bậc.

Trường thôn Chày Lập Trần Thanh Châu cho biết: Thôn Chày Lập hiện có hơn 600 hộ, phần lớn đều có người tham gia vào các hoạt động du lịch. Đặc biệt, nhiều gia đình có mặt tiền đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đã mở nhà hàng và các dịch vụ phục vụ khách du lịch, mang lại thu nhập cao.

Trước năm 2000, để lên với xã biên giới Trường Sơn chỉ có một con đường độc đạo duy nhất là vượt sông Long Đại bằng thuyền, mất gần 1 ngày đường. Ngày đó, người dân Trường Sơn, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) Bru-Vân Kiều, sống biệt lập trong những bản làng ven sông Long Đại. Hoạt động kinh tế chính là đốt nương làm rẫy, với cây trồng chủ đạo là lúa rẫy và tìm kiếm sản vật rừng. Điều kiện đi lại khó khăn, người Bru-Vân Kiều chủ yếu sống “tự cung tự cấp”, ít giao lưu với thế giới bên ngoài.

Mọi chuyện bắt đầu đổi thay khi đường Hồ Chí Minh nhánh Tây được đầu tư mở rộng, nâng cấp và đi qua địa bàn xã. Con đường như một luồng sinh khí mới đánh thức những bản làng từng chìm trong sự biệt lập. Đường mở đến đâu, những cơ hội phát triển mở ra đến đó. Những bản Khe Cát, Rào Trảng, Đoàn Kết... hôm nay đã mang một diện mạo khác, với

Cung đường Hồ Chí Minh nhánh Tây từ Phong Nha đến Khe Sanh đi xuyên qua những cánh rừng đại ngàn, kết nối những bản làng từng một thời gian khó bên dãy Trường Sơn. Hơn hai thập kỷ khi đưa vào sử dụng, cung đường đã trở thành động lực phát triển kinh tế, du lịch ở các địa phương đi qua.



Khách du lịch trải nghiệm trên cung đường Hồ Chí Minh nhánh Tây ghé thăm Trạm bảo vệ rừng U Bò - Ảnh: P.P

những ngôi nhà kiên cố, hàng quán, dịch vụ và nhịp sống ngày càng sôi động.

Cuộc sống đổi thay của gia đình ông Hồ Văn Thiết và bà Nguyễn Thị Na (người Bru-Vân Kiều) ở bản Khe Cát gắn liền với dấu mốc khi đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đi qua. Ông Thiết kể, ngày trước bản Khe Cát trước mặt là sông Long Đại, bao quanh là rừng rậm. Người dân muốn ra khỏi bản để về trung tâm xã phải đi bộ men theo bờ sông hoặc con đường mòn là dấu tích của đường Trường Sơn năm xưa. Khi đường lớn mở ra, vợ chồng ông quyết định mua đất bảm mặt tiền đường để làm ăn, gây dựng cuộc sống. Đến nay, tiệm tạp hóa của gia đình ông bà là một trong những nơi mua sắm lớn nhất xã Trường Sơn, với đầy đủ các loại hàng hóa...

Nằm ngay cạnh đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, bản Làng Ho, xã Kim Ngân, hiện có 225 hộ dân, chủ yếu là đồng bào DTTS Bru-Vân Kiều. Đưa tay chỉ những ngôi nhà mái ngói kiên cố, Trưởng bản Làng Ho Hồ Văn Phơi phấn khởi cho hay, bản làng đã có nhiều đổi thay. Cùng với đời sống người dân từng bước được cải thiện, cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa cũng được quan tâm đầu tư, xây dựng và sửa chữa.

Nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi

giai đoạn 2021-2030, Chương trình xây dựng nông thôn mới cùng nhiều chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS của Đảng và Nhà nước đã góp phần hoàn thiện hạ tầng, tạo nền tảng để các bản làng miền Tây Quảng Trị tiếp tục phát triển.

Cung đường trải nghiệm du lịch

Không chỉ mang ý nghĩa lịch sử và phát triển kinh tế, cung đường Hồ Chí Minh nhánh Tây giờ đây còn là cung đường trải nghiệm du lịch hấp dẫn của du khách trong, ngoài nước.

Cung đường đi qua các địa danh lịch sử, những danh lam thắng cảnh nổi tiếng, trở thành điểm đến lý tưởng cho những ai yêu thích khám phá thiên nhiên. Những điểm du lịch như: Đỉnh U Bò, xuyên rừng nguyên sinh của Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng; thăm làng “du lịch xanh” Làng Mô; khám phá thiên nhiên Chà Rào, Chà Cùm (xã Trường Sơn), Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu-Khe Nước Trong (xã Kim Ngân), thác Tà Puồng (Hướng Lập); đèo Sa Mù, đỉnh Cu Vơ, thôn Chênh Vênh (Hướng Phùng), sân bay Tà Cơn, đồi điện gió, vườn cà phê (Khe Sanh) ... trở thành những điểm check-in độc đáo của dân phượt. Các hoạt động trekking xuyên rừng, du lịch sinh thái, trải nghiệm văn hóa bản địa với đồng bào DTTS Vân Kiều, Pa Kô cũng ngày càng thu hút du khách.

Ông Trần Xuân Cương, Giám đốc Công ty Du lịch Netin chia sẻ, phía Tây của Quảng Trị không chỉ nổi bật với vẻ đẹp thiên nhiên hoang sơ mà còn hấp dẫn du khách bởi các giá trị lịch sử, văn hóa độc đáo, cùng các hoạt động du lịch trải nghiệm hấp dẫn. Cung đường Hồ Chí Minh nhánh Tây được xếp vào top 10 những cung đường phượt bằng mô-tô tuyệt đẹp nhất thế giới. Đặc biệt, vào mùa xuân, cung đường Hồ Chí Minh như bừng sáng bởi hàng trăm loài hoa rừng khoe sắc.

Công ty Du lịch Netin hiện phối hợp với chính quyền các địa phương, các đơn vị quản lý, bảo vệ rừng để tổ chức thử nghiệm các tour du lịch khám phá thiên nhiên, tìm hiểu đời sống văn hóa người Bru-Vân Kiều ở miền Tây Quảng Trị. Theo ông Trần Xuân Cương, với các sản phẩm du lịch đang được đưa vào khai thác thí điểm, du khách rất thích thú với cung đường trekking, vượt thác và hệ thống tài nguyên thiên nhiên trên đường Hồ Chí Minh nhánh Tây...

Ông Đặng Đông Hà, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho biết, theo Quy hoạch của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, du lịch sinh thái trên tuyến đường Hồ Chí Minh thuộc 2 trong số 4 cụm du lịch trọng điểm để khẳng định thương hiệu “du lịch Quảng Trị” trên bản đồ du lịch quốc tế.

Tuy nhiên, so với cụm khác thì cụm quy hoạch phát triển du lịch phía Nam tỉnh, nhất là các điểm đến gần với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, còn thiếu về hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, sản phẩm đặc trưng;

hoạt động du lịch bị ảnh hưởng lớn của thời tiết. Hiện, ở cụm du lịch này chưa có nhiều tour, tuyến chính thức mà mới ở dạng thử nghiệm và số lượng còn hạn chế. Tuy vậy, bước đầu cho thấy sức hấp dẫn của cung đường này đối với du khách trẻ và người nước ngoài thích khám phá và có kỹ năng du lịch “phượt”.

Dưới diệp trùng của dãy Trường Sơn, men theo đường Hồ Chí Minh nhánh Tây của Quảng Trị, vẻ đẹp hoang sơ, kỳ thú của thiên nhiên, sức sống của các di tích lịch sử nổi tiếng và đời sống văn hóa độc đáo của đồng bào Pa Kô, Bru-Vân Kiều hiện lên đầy sức hút. Các ngành chức năng và địa phương nơi cung đường đi qua cần khảo sát, đánh giá cụ thể để thu hút đầu tư, khai thác hiệu quả, tạo ra những sản phẩm du lịch hấp dẫn, tiếp tục mang đến cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người dân ở vùng biên cương miền Tây Quảng Trị.

“

Du ngoạn dọc cung đường Hồ Chí Minh nhánh Tây hôm nay, chúng tôi đi qua các địa phương như Phong Nha, Trường Sơn, Kim Ngân, Hướng Lập, Hướng Phùng và Khe Sanh. Dọc tuyến đường, nhiều bản làng đã trở nên đông vui, tấp nập. Tại các khu vực trung tâm xã, những “thị tứ” mới dần hình thành với nhà cửa san sát, hàng quán và các dịch vụ phục vụ đời sống dân sinh. Những ngôi nhà sàn truyền thống của đồng bào DTTS Bru-Vân Kiều vẫn hiện diện, nhưng bên cạnh đó là những căn nhà kiên cố, hiện đại, cho thấy diện mạo mới của các bản làng sau hơn hai thập kỷ có tuyến đường đi qua.

”



Mùa hoa trầu nở ven đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đi qua xã Hướng Phùng - Ảnh: P.P

Tạo động lực đổi mới giáo dục

Nhìn lại gần 40 năm đổi mới, ngành Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) Quảng Trị đã đạt nhiều thành tựu quan trọng về quy mô, mạng lưới trường lớp và chất lượng giáo dục, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Để giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về những kết quả nổi bật của ngành, việc phát huy các phong trào thi đua yêu nước gắn với đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT trong hành trình 40 năm Quảng Trị vươn mình cùng đất nước, phóng viên (P.V) Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Trị có cuộc trao đổi với Nhà giáo Ưu tú Lê Thị Hương, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở GD-ĐT.

Khen thưởng, tôn vinh kịp thời là động lực thúc đẩy thi đua yêu nước trong ngành Giáo dục và Đào tạo - Ảnh: NH.V



● **P.V: Thưa đồng chí Giám đốc Sở GD-ĐT, nhìn lại 40 năm đổi mới, đồng chí đánh giá như thế nào về những chuyển biến nổi bật của ngành GD-ĐT?**

- **Nhà giáo Ưu tú Lê Thị Hương:** Sau gần 40 năm đổi mới, GD-ĐT Quảng Trị có bước phát triển rõ nét cả về quy mô, mạng lưới trường lớp và chất lượng giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của Nhân dân.

Những kết quả đó càng có ý nghĩa khi đặt trong bối cảnh Quảng Trị từng phải đối mặt với nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh để lại. Đời sống Nhân dân còn thiếu thốn, cơ sở hạ tầng nghèo nàn, lạc hậu... Xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu, tỉnh luôn dành sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, tạo điều kiện để ngành GD-ĐT phát triển. Một trong những dấu ấn rõ nét là cơ sở vật chất trường học ngày càng được đầu tư, kiên cố hóa. Từ chỗ nhiều trường học, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa còn phải sử dụng phòng học tranh tre,

nứa lá, đến nay, nhiều trường học được trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bổ sung, chuẩn hóa về trình độ, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Chủ trương xã hội hóa giáo dục đã phát huy hiệu quả tích cực, góp phần huy động thêm nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các loại hình học tập, phát triển hệ thống trường ngoài công lập, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người học.

Đặc biệt, giáo dục miền núi có bước chuyển đáng ghi nhận. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú được củng cố; các chế độ, chính sách hỗ trợ học sinh và giáo viên được triển khai đầy đủ, kịp thời.

● **P.V: Thực hiện lời Bác Hồ dạy “Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt”, ngành GD-ĐT đã có những giải pháp nào để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện?**

- **Nhà giáo Ưu tú Lê Thị Hương:** Quán triệt lời dạy của Bác Hồ về thi đua yêu nước, ngành GD-ĐT đã đẩy mạnh các phong trào thi đua, tiêu biểu như “Dạy tốt - Học tốt”, “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tinh thần tự học, tự rèn luyện, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo ngày càng được phát huy.

Các phong trào thi đua cũng tạo động lực để ngành đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn. Số học sinh khá, giỏi, học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia tăng lên hằng năm.

Cùng với đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Sở GD-ĐT tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, quản lý, tăng cường phân cấp, phân quyền. Các cơ sở giáo dục được trao quyền chủ động hơn trong xây dựng, triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường, đồng thời bảo đảm kỷ cương, nề nếp trong dạy học, kiểm tra, đánh giá.

Sinh hoạt chuyên môn được đổi mới theo hướng nghiên cứu bài học, tập trung vào những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh được chú trọng; 100% trường phổ thông xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp và bố trí giáo viên kiêm nhiệm tư vấn hướng nghiệp.

Chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục được khẳng định. Năm học 2025-2026, học sinh của tỉnh đoạt 1 giải nhì, 2 giải ba và 3 giải

tư tại cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia. Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia có 174 học sinh dự thi, trong đó 114 em đoạt giải, chiếm 65,5%, vượt chỉ tiêu đề ra. Kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 12 cấp tỉnh có 2.766 học sinh tham gia, 1.631 em đoạt giải; kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh có 2.476 học sinh dự thi, 1.457 em đoạt giải, đạt tỉ lệ 58,84%...

● **P.V: Bên cạnh kết quả đạt được, ngành GD-ĐT hiện đang đối mặt với những khó khăn, thách thức gì và đâu là giải pháp khắc phục, thưa đồng chí?**

- **Nhà giáo Ưu tú Lê Thị Hương:** Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành GD-ĐT vẫn còn một số khó khăn như thiếu giáo viên ở một số môn (Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật), nhất là ở các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, hạ

tầng công nghệ thông tin ở một số trường chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới. Việc triển khai giáo dục hòa nhập, giáo dục thường xuyên và một số chương trình giáo dục đặc thù ở vùng khó khăn còn nhiều trở ngại.

Để khắc phục những vấn đề này, ngành tiếp tục phát huy các phong trào thi đua yêu nước, gắn với những nhiệm vụ trọng tâm như cải cách hành chính, chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học.

Một nhiệm vụ quan trọng khác là tăng cường dạy và học ngoại ngữ, triển khai các đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đồng thời chuẩn bị các điều kiện để thí điểm thi tốt nghiệp THPT trên máy tính từ năm 2027.

Ngành cũng xác định nâng cao chất lượng giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các vùng. Cùng với đó, ngành tăng cường giáo dục hòa nhập, hỗ trợ học sinh khuyết tật, học sinh yếu thế, bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng cho người học.

Song song với nâng cao chất lượng dạy học, ngành tiếp tục chú trọng xây dựng văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên.

Với tinh thần đoàn kết, đổi mới và sáng tạo, ngành GD-ĐT Quảng Trị sẽ tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục khó khăn, tạo chuyển biến thực chất trong quản trị, dạy học và đào tạo nguồn nhân lực. Qua đó, từng bước xây dựng nền giáo dục hiện đại, công bằng, chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

● **P.V: Xin trân trọng cảm ơn đồng chí Giám đốc Sở GD-ĐT!**

MỸ HUỆ (thực hiện)



Nhiều trường học được đầu tư trang thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất đồng bộ, tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục - Ảnh: NH.V

Phát huy kết quả đạt được, thời gian tới, ngành GD-ĐT sẽ tiếp tục đổi mới quản trị nhà trường theo hướng tăng quyền tự chủ, đẩy mạnh kiểm định chất lượng, chuẩn hóa công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài và xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động trên nền tảng dữ liệu số. Đồng thời, tiếp tục quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường, lớp; ưu tiên đầu tư, chuẩn hóa và đồng bộ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nhất là phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, giáo dục STEM, STEAM, phòng học thông minh, thư viện và thiết bị số, bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

CHỢ ĐÔNG HÀ đổi nhịp



Là một khu chợ được tỉnh Quảng Trị đặt nhiều kỳ vọng trong những năm đầu tái lập, chợ Đông Hà từng đón những chuyến xe Bắc-Nam, những dòng hàng hóa từ Lào, Thái Lan theo Quốc lộ 9 qua Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo rồi tỏa đi nhiều miền đất. Hơn 30 năm sau, khi siêu thị và thương mại điện tử đã làm thay đổi thói quen mua bán, chợ Đông Hà đổi nhịp, tìm cách giữ dòng hàng hóa, giữ khách và giữ cả một phần ký ức, không gian văn hóa đô thị Đông Hà.

Chợ Đông Hà như những con thuyền neo đậu bên dòng sông Hiếu - Ảnh: N.T.H

□ THANH HẢI

Những "con thuyền" bên sông Hiếu

Năm 1990, khi Quảng Trị vừa được tái lập, tỉnh đã tổ chức thi tuyển thiết kế chợ Đông Hà với khoảng 12 đơn vị tư vấn uy tín trên toàn quốc tham gia. Phương án của nhóm kiến trúc sư Trường đại học Kiến trúc Hà Nội do kiến trúc sư Nguyễn Tiến Thuận chủ trì được lựa chọn.

Công trình của nhóm kiến trúc sư này không chọn cách phô bày một khối nhà đồ sộ mà trải dài theo tuyến, bề ngang hẹp, tạo điều kiện cho gió lưu thông. Hình dáng các khối kiến trúc gợi hình con thuyền neo đậu bên sông Hiếu. Một lựa chọn vừa thích ứng với khí hậu, vừa có bóng dáng của vùng đất thương hồ những chuyến thuyền trên sông. Quảng Trị khi ấy còn nghèo, hậu quả chiến tranh để lại nặng nề, nhưng đã lựa chọn ưu tiên tổ chức cuộc thi thiết kế chợ Đông Hà tầm cỡ lớn hàng đầu khu vực, thể hiện tư duy táo bạo về hội nhập, phát triển thương mại

trên trục Bắc-Nam và Hành lang kinh tế Đông-Tây của tập thể lãnh đạo tỉnh thời đó.

Công trình chợ Đông Hà được tính toán để có thể xây dựng từng phần, phù hợp với khả năng đầu tư từng giai đoạn trong điều kiện ngân sách của tỉnh eo hẹp. Từ lúc khởi công vào năm 1991 đến khi hoàn thành xây dựng chợ Đông Hà kéo dài 13 năm. Kiến trúc sư Nguyễn Tiến Thuận sau này đã nhắc lại quãng thời gian ấy như một thử thách của nghề kiến trúc, khi thiết kế phải thích nghi với một công trình được xây dựng trong thời gian dài. Chợ được đặt giữa trung tâm đô thị Đông Hà, bên dòng sông Hiếu, hoàn thành giai đoạn đầu vào năm 1995, đến năm 2003 tiếp tục hoàn thiện các hạng mục của giai đoạn sau.

Hàng hóa của chợ rất phong phú, một thời hút khách đến mức dòng xe trên đường thiên lý Bắc-Nam, qua Quảng Trị không thể không ghé chợ Đông Hà. Xe dừng, người xuống chợ, hỏi hàng, chọn hàng, rồi lại vội vàng lên xe kịp hành trình về phía Bắc, phía Nam. Có những năm, chỉ cần nhìn vào quầy hàng ở chợ Đông Hà cũng nhận ra một vùng đất đang mở cửa. Hàng từ bên kia biên giới về nhiều hơn. Người mua cũng từ nhiều nơi đến hơn. Trong lòng "con thuyền" có đình chợ, được xem là khu ẩm thực của Đông Hà. Tại đây bày bán nhiều món quê dân dã như: Bún hến Mai Xá, bánh đúc, bánh nậm..., thu hút nhiều bạn trẻ và du khách đến thưởng thức, tìm hiểu về văn hóa ẩm thực Quảng Trị.

Bà Nguyễn Thị Hạnh năm nay 70 tuổi. Bà chuyển từ Công ty Lương thực Đông Hà ra bán gạo ở chợ Đông Hà từ năm 1988. Vậy nên, hơn ai hết, bà là người chứng kiến bao đổi thay của chợ Đông Hà.

Đó là những ngày cảnh người mua chen kín lối đi, cảnh dòng xe du lịch đậu đầy sân... Cũng có những khoảng thời gian chợ trở nên thưa vắng khách. Để bắt nhịp với dòng chảy thương mại đang phát triển mạnh mẽ, Ban Quản lý chợ tổ chức tập huấn chuyển đổi số, hướng dẫn tiểu thương tiếp cận thương mại điện tử. Người trẻ bắt nhịp nhanh hơn. Nhưng với những người đã lớn tuổi như bà Hạnh, chuyện đưa hàng lên mạng, bán hàng bằng điện thoại không dễ như cách cân một bao gạo, nhận tiền rồi ghi vào sổ. Nhưng bà cũng có cách để giữ khách quen của mình, đủ để ngày ngày ra quầy gạo, vừa đơn giản với khách, vừa hòa vào không khí mua bán rộn ràng, thân thuộc đến nỗi vắng một ngày chợ cũng khiến bà nôn nao. Hỏi vì sao còn ra chợ, bà cười: "Ra chợ thấy vui".

Khu chợ mang hình con thuyền bên bờ sông Hiếu, một thời in sâu trong ký ức của bao người...



Chợ Đông Hà - Ảnh: N.T.H

Chợ học cách tìm khách

Quy hoạch đô thị Đông Hà ngày nay tiếp tục xác định cụm chợ Đông Hà-cầu Đông Hà-bến tàu khách là một trong những điểm nhấn đặc sắc.

Nhưng có thời điểm, chợ Đông Hà tự làm khó mình. Một bộ phận tiểu thương thách giá cao, bán hàng không bảo đảm chất lượng, cách bán thiếu trung thực khiến khách ngại quay lại. Những người buôn bán tử tế cũng bị ảnh hưởng bởi "con sâu làm rầu nồi canh". Cách đây 2 năm, ông Lê Minh Quốc, khi ấy là Chủ tịch UBND phường 4, thành phố Đông Hà (cũ) về nhận nhiệm vụ Trưởng ban Quản lý chợ Đông Hà. Trước mắt ông là khu chợ rộng 3,3ha, từng có lúc gần 2.000 tiểu thương buôn bán nay giảm xuống còn khoảng 1.400 tiểu thương. Nhiều người trong số họ vẫn giữ những mối hàng đã gây dựng qua nhiều năm, mua được giá tốt, bán lại có

lời. Nguồn hàng bây giờ vẫn thế, nhưng khách đến chợ đã khác. Một thời tình trạng thách giá bán cao hơn rất nhiều giá thực của hàng hóa đã làm giảm uy tín chợ. Yêu cầu đặt ra với các tiểu thương chợ Đông Hà nếu muốn tồn tại phải niêm yết giá, bán đúng hàng chất lượng, không thách giá, đưa hàng hóa lên môi trường số. Những việc nghe giản dị, nhưng với những người đã quen cách bán hàng cũ suốt nhiều năm, là sự thay đổi lớn. "Cái chính là phải thay đổi cách làm, nếu không thì chợ mất khách", ông Quốc nói.

Ngày trước, khách đi tìm chợ. Bây giờ, chợ phải tìm khách. Ban Quản lý chợ Đông Hà đã xây dựng website để quảng bá hàng hóa, hỗ trợ tiểu thương tiếp cận thương mại điện tử. Năm 2026, phường Đông Hà triển khai hỗ trợ xây dựng app bán hàng cho toàn bộ tiểu thương, kinh phí khoảng 500 triệu đồng. Ban Quản lý chợ cũng làm việc với các ngân hàng để hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt, đưa mã QR đến các quầy; hộ kinh doanh được số hóa, wifi phủ toàn chợ, camera giám sát các lô quầy hạn chế chèo kéo khách. Ông Quốc cho biết, nếu có doanh nghiệp, hợp tác xã, cửa hàng đưa hàng chuẩn, đặc sản OCOP của Quảng Trị và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh về bán, Ban Quản lý chợ sẵn sàng tạo điều kiện, kể cả hỗ trợ giá thuê mặt bằng ở mức thấp nhất. Những thương hiệu có nguồn gốc rõ ràng trên Hành lang kinh tế Đông-Tây muốn đưa hàng về Đông Hà cũng có thể được bố trí vị trí thuận lợi. Chất lượng hàng hóa và uy tín của chợ được đặt lên hàng đầu. Ban Quản lý chợ phối hợp với lực lượng Quản lý thị trường kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng sản phẩm. Hàng hóa muốn vào chợ phải có nguồn gốc rõ ràng. Ở khu vực nông sản, rau, thịt, cá, chợ Đông Hà vẫn giữ vai trò đầu mối lớn của khu vực phía Nam tỉnh. Có những loại hàng từ đây tiếp tục đi sang các tỉnh bạn. Năm 2025, chợ nộp ngân sách 1,5 tỉ đồng, tự chủ tiền lương cho gần 80 người. Khoảng 20 người làm nghề xe thô quanh chợ nay kiêm giao hàng cho tiểu thương bán qua mạng.

Hơn 30 năm, chợ Đông Hà đã đổi cách bán hàng nhiều lần. Có thời, hàng Lào, hàng Thái Lan kéo người đi đường dừng lại chợ Đông Hà. Có lúc chính cách bán hàng khiến một bộ phận khách rời đi. Bây giờ, tiểu thương chợ học lại cách bán hàng: Niêm yết giá, kiểm soát nguồn gốc, đưa sản phẩm lên mạng, thanh toán bằng QR, mở cửa cho hàng chuẩn, hàng OCOP, tìm cách nối lại những dòng hàng Đông-Tây với dòng khách Bắc-Nam. Những con thuyền trong hình hài kiến trúc chợ Đông Hà nằm bên sông Hiếu vẫn đưa hàng Quảng Trị đi xa.

“Quả ngọt” trên vùng đất K4



Ông Trần Kim Phụng thu hoạch cam

- Ảnh: Đ.V

Vùng đất được gọi K4 là một thung lũng vùng đồi, có địa thế hiểm trở với tổng diện tích khoảng 200ha, thuộc thôn Long Hưng, xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị - xưa kia là căn cứ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Từ một vùng đồi hoang hóa, chỉ chít hố bom sau chiến tranh, dưới bàn tay khai phá không mệt mỏi của con người, đất K4 bây giờ đã phủ bạt ngàn một màu xanh mướt của những vườn chuyên canh cây ăn quả có mùi như cam, quýt, chanh, bưởi...

❑ ĐỨC VIỆT

Đất khó hồi sinh

Từ Quốc lộ 1 dọc theo con đường dẫn lên Trung tâm hành hương Đức mẹ La Vang, rồi rẽ vào rừng thông xanh bạt ngàn, ven tuyến đường nhựa khoảng 12km nữa là đến vùng đất K4. Những cựu chiến binh từng sống, chiến đấu tại vùng K4 kể lại, từ năm 1954 kéo dài đến khi đất nước thống nhất, vùng đất này là căn cứ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của địa phương. Khi huyện Hải Lăng (cũ) bị địch chiếm đóng, càn quét, xã Hải Phú (cũ) đã chọn vùng đồi phía Tây có địa thế hiểm trở này để làm căn cứ kháng chiến.

Từ khu căn cứ này, du kích địa phương đã tổ chức nhiều trận đánh bất ngờ vào các đồn địch đóng quân ở thị xã Quảng Trị và dọc theo các chốt trên Quốc lộ 1, chống lại nhiều cuộc càn quét, gây hoang mang và hao tổn nhiều quân địch. Vùng căn cứ K4 cũng phải hứng chịu nhiều đợt truy quét của Mỹ-ngụy. Bom

đạn địch dội xuống liên tục đã cày xới tan hoang mảnh đất này, nhiều du kích đã anh dũng chiến đấu và ngã xuống nơi đây. Hơn 50 năm sau ngày hòa bình, có dịp đến vùng đất K4, nhiều người hẳn khó nhận ra dấu tích của bom đạn năm xưa. K4 đã hồi sinh bằng màu xanh bạt ngàn của những trang trại cây ăn quả.

Men theo con đường phẳng phiu, uốn lượn mềm mại qua những khoảnh rừng thông xen với bạt ngàn màu xanh thắm của rừng trồng, khoảng gần 10km từ Quốc lộ 1, chúng tôi đến thăm trang trại cam của ông Trần Kim Phụng. Toàn bộ khu vườn cam rộng 3ha của gia đình ông Phụng được trồng 2 loại cam chủ lực là V2 và Vân Du. Đây là những loại cam có nguồn gốc từ Nghệ An, cho quả to tròn, mọng nước, ngọt thanh và đặc biệt phù hợp với vùng đồi K4.

Ông Phụng kể, đến nay, ông đã gắn bó với mảnh đất K4 hơn 20 năm. “Hồi mới lên phải “cơm đùm gạo bó” bám trụ lại đây. Khổ cực thì vô kể như phải đối mặt với bom

đạn sót lại sau chiến tranh, rắn rết, thú hoang... để trồng sắn, sau đó chuyển sang trồng cam. Cũng nhiều lần thất bại mới được như bây giờ, nghĩ lại quãng thời gian khổ cực để có thành quả như bây giờ, tôi thấy tự hào và sung sướng lắm”, ông Phụng bồi hồi.

Hiện nay, ông Phụng phân thành 2 khu vườn với 2 loại cam là V2 và Vân Du để luân phiên thu hoạch vào hai thời điểm. Một vườn thu hoạch vào tháng 8 đến tháng 10 âm lịch; vườn kế bên đến khoảng gần Tết sẽ tiếp tục thu hoạch và sẽ có giá bán cao hơn. Ông chịu khó đầu tư công chăm sóc, học hỏi và thực hiện nhiều biện pháp thâm canh, bón phân khá đặc biệt như: Dùng phân làm từ cá rô phi, cá biển ủ chín; tăng cường bón phân xanh nên vườn cây xanh tốt, cho tỉ lệ đậu quả cao, quả to đều (bình quân từ 3-5 quả/kg), ít sâu bệnh và chất lượng cao. Về phòng trừ sâu bệnh, ông cũng chỉ dùng chế phẩm sinh học làm từ ớt, gừng, tỏi nên cho ra nguồn cam sạch, an toàn. Ông Phụng cho biết, năm

nay dù thời tiết khá khắc nghiệt nhưng năng suất, sản lượng cam vùng đồi K4 vẫn khả quan. Với diện tích 3ha, dự kiến sản lượng đạt khoảng trên 50 tấn quả, sau khi trừ chi phí, gia đình ông thu lãi gần 300 triệu đồng.

Không chỉ ông Phúng mà ở vùng đồi K4, hiện nay có 14 hộ dân chuyên canh cây cam với khoảng 25ha. Nhờ thương hiệu cam K4 ngày càng được nhiều người biết đến, hầu hết các hộ dân nơi đây đã vươn lên thoát nghèo, có cuộc sống sung túc. Từ vùng đất hoang hóa, còn sót nhiều đạn bom và trăm bề thiếu thốn, nơi đây đã trở nên trù phú, thu hút ngày càng nhiều thương lái đến tìm hiểu, thu mua cũng như khách tham quan, trải nghiệm.

Mở rộng vùng cam

Không chỉ canh tác ở vùng đồi K4, hiện nay, mô hình trồng cam được nhân rộng ra khắp xã Hải Lăng và có sự đổi mới trong tư duy canh tác. Nhiều gia đình đã đầu tư máy móc tự động hóa tưới đến từng gốc cây, sử dụng phân hữu cơ để bón, phòng trừ sâu bệnh bằng chế phẩm sinh học... để cho ra những quả cam sạch, ngon. Như anh Nguyễn Ngọc Thu, ở thôn Phú Hưng, năm 2020, anh trồng cam, bưởi da xanh, ổi

trên diện tích 2ha. Nhận thấy cảnh quan vườn của mình đẹp và có vị trí ngay khu vực trung tâm nên anh đầu tư theo hướng phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch trải nghiệm.

“Vườn của tôi có 600 gốc cam, 900 gốc bưởi, 100 gốc ổi đỏ, đến nay đều đã cho thu hoạch. Gia đình tôi cũng đầu tư homestay, bể bơi ngoài trời, khu vực ăn uống, giải khát, khu thể thao và hiện đang lắp đặt hệ thống điện mặt trời... nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu nghỉ dưỡng của du khách. Thời gian qua, nhiều đoàn khách đã đến đây tham quan, trải nghiệm. Sắp tới, tôi dự tính đầu tư thêm một số hạng mục khác trong khu vườn của mình”, anh Thu cho biết. Riêng vườn cam của gia đình, qua 2 vụ thu hoạch, anh Thu cũng phần nào trang trải được chi phí đầu tư ban đầu, kỳ vọng vườn bưởi da xanh sắp tới sẽ cho thu nhập cao hơn.

Được hình thành từ năm 2018, đến nay, trang trại trồng cam theo hướng hữu cơ của ông Lê Thu, ở thôn Đại An Khê, cũng đã mang lại hiệu quả khá cao. Ông Thu cho biết, mặc dù chi phí, công sức trồng cam theo hướng hữu cơ cao hơn nhưng đổi lại đã từng bước tạo dựng được “thương hiệu” cho quả cam sạch của mình. Ông Thu

cho biết: “Mô hình trồng cam của gia đình hoàn toàn sử dụng phân bón hữu cơ, phòng trừ sâu bệnh bằng chế phẩm sinh học, tưới bằng hệ thống nhỏ giọt tự động nhằm tuân thủ chăm sóc theo quy trình VietGAP. Năm vừa qua, trang trại cam đã thu được khoảng 60 tấn, chủ yếu bán lẻ cho khách hàng trong tỉnh và đóng hàng vận chuyển ra một số địa phương khác theo đơn đặt hàng”.

Được biết, đến nay, xã Hải Lăng đã phát triển được hơn 80ha cây ăn quả có múi, trong đó cây cam chiếm hơn 2/3 tổng diện tích. Toàn xã hiện có 3 mô hình cam được chứng nhận VietGAP, 2 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao. Ông Nguyễn Đức Phong, Chủ tịch UBND xã Hải Lăng cho biết: Thời gian tới, UBND xã Hải Lăng xác định tiếp tục phát triển cây cam theo hướng sản xuất hàng hóa hữu cơ gắn với chuỗi giá trị bền vững. Xã cũng khuyến khích người dân chuyển đổi canh tác theo hướng nông nghiệp thông minh, giảm sử dụng phân hóa học, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái. Mục tiêu nhằm nâng tầm thương hiệu cam Hải Lăng trở thành sản phẩm nông nghiệp đặc trưng có giá trị cạnh tranh cao trên thị trường.



Vườn cam trĩu quả chuẩn bị thu hoạch ở vùng đồi K4 - Ảnh: Đ.V

Dựng xây nếp sống mới

Thời gian qua, công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xóa bỏ hủ tục trong đồng bào dân tộc thiểu số được các cấp, các ngành và địa phương trong tỉnh đặc biệt quan tâm. Qua đó, các xã miền núi, nơi có đông người dân tộc thiểu số sinh sống đã xây dựng nếp sống văn minh, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.



Người dân xã La Lay chăm sóc vườn chuối tiêu hồng - Ảnh: L.A

□ LÊ AN

Thay đổi nếp nghĩ cũ

Lấy chồng khi mới 13 tuổi, đang học lớp 7, đến nay, em Hồ Thị Kiên và chồng là Hồ Văn Thay ở thôn A Dơi Cò, xã A Dơi đã có 2 con. Cả hai vợ chồng tuổi còn trẻ, không có việc làm ổn định nên cuộc sống gia đình gặp rất nhiều khó khăn.

"Lúc còn nhỏ, em chưa hiểu hết tác hại của việc lấy chồng sớm nên mới nghỉ học để lập gia đình. Khi về nhà chồng cũng chỉ biết làm nương rẫy, chăn nuôi nhỏ lẻ. Đến khi có con, được cán bộ tuyên truyền, em mới hiểu tảo hôn ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe của mẹ và con. Nếu được biết những điều này sớm hơn, có lẽ em đã không lập gia đình sớm", Hồ Thị Kiên nói.

Theo thống kê, trước đây tảo hôn là một trong những hủ tục từng để lại hệ lụy rõ nét tại địa phương. Đơn cử như tại xã A Dơi (cũ), chỉ tính riêng trong giai đoạn 2016-2020, trong 155 cặp kết hôn trên địa bàn xã có tới 62 cặp tảo hôn, chiếm 40%. Có những trường hợp kết hôn khi mới 13-14 tuổi, phải bỏ học giữa chừng, sau đó cuộc sống gia đình tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do cả hai vợ chồng còn trẻ, thiếu việc làm ổn định.

Theo chị Hồ Thị Môn, Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn Trùm, xã A Dơi, đời sống còn nhiều khó khăn, thiếu thông tin và điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội khiến tập quán lạc hậu có thời điểm ăn sâu vào đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Ngày

trước, khi trong gia đình có người đau ốm, bà con thường tìm lá thuốc trong rừng hoặc mời thầy cúng về làm lễ, thay vì đến cơ sở y tế. "Chuyện học hành của con em chưa được chú trọng; tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống rất phổ biến. Cuộc sống còn quanh quẩn với nương rẫy, cái ăn, cái mặc, những hủ tục ấy dần trở thành thói quen, rất khó thay đổi", chị Hồ Thị Môn cho hay.

Từ thực tế ấy, A Dơi xác định, xóa bỏ hủ tục phải đi cùng với nâng cao nhận thức, cải thiện đời sống và tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng. Công tác tuyên truyền, vận động loại bỏ các hủ tục, xây dựng nếp sống mới được cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh, đi sâu vào từng thôn, bản, từng gia đình. Đặc biệt, nội dung phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống đã được đưa vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội; các thôn, bản tổ chức ký cam kết không có người tảo hôn, đưa tiêu chí này vào bình xét gia đình văn hóa. Đồng thời, tăng cường phát hiện sớm những trường hợp có nguy cơ để vận động, ngăn ngừa; những trường hợp vi phạm được xử lý theo quy định.

Một cách làm đang tạo dấu ấn ở A Dơi là đưa việc tuyên truyền, vận động đến gần người dân thông qua các hoạt động văn hóa truyền thống. Tại thôn Ba Tầng, 15 thành viên câu lạc bộ cồng chiêng văn duy trì tập luyện, góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào DTTS Pa Kô, Vân Kiều. Không chỉ giữ tiếng cồng, điệu múa hay những làn điệu dân gian, các thành viên câu lạc bộ còn trở thành những tuyên truyền viên trong cộng đồng. Ông Hồ Văn Neng, nghệ nhân Câu lạc bộ cồng chiêng thôn Ba Tầng cho biết, thông qua các buổi sinh hoạt, những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được lồng ghép khéo léo vào những điệu hát xà nót, tà oải, tiếng cồng chiêng,



Các thành viên Câu lạc bộ cồng chiêng thôn Ba Tầng, xã A Dơi duy trì sinh hoạt, góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của người Pa Kô, Vân Kiều - Ảnh: L.A

điệu múa, từ đó vận động bà con bài trừ hủ tục, cảnh giác với tệ nạn xã hội và xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh.

Theo Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã A Dơi Hồ Thị Thu Hằng, thông qua những hoạt động gần gũi với đời sống, các chủ trương, chính sách được chuyển tải, giúp người dân hiểu xóa bỏ hủ tục không phải là từ bỏ bản sắc, mà là loại bỏ những tập quán không còn phù hợp để cuộc sống tốt đẹp hơn. Nhờ vậy, đến nay, toàn xã có 1.997/2.124 hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, đạt 94,02%.

Dựng nếp sống mới

Tương tự, tại xã La Lay, nơi hơn 90% dân số là đồng bào Pa Kô, Vân Kiều, việc xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thay đổi nếp nghĩ, cách làm, tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội. Ông Hồ Văn Với, người có uy tín ở thôn A Bung cho hay, do nhận thức chưa đồng đều, trước đây, trong đời sống của một bộ phận người dân vẫn tồn tại những tập quán cũ. Khi đau ốm, bà con có thói quen lên rừng tìm lá thuốc về nấu uống, băng bó thay vì đến cơ sở y tế; việc học tập của con em chưa được chú trọng đúng mức; tình trạng “du canh, du cư”, thả rông gia súc, vật nuôi còn khá phổ biến. Những tập quán ấy không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống mà còn trở thành

lực cản đối với quá trình phát triển của địa phương.

Phó Chủ tịch UBND xã La Lay Hồ Văn Hiến thông tin, do nhận thức còn hạn chế, một bộ phận người DTTS chưa phân biệt rõ đâu là phong tục, tập quán tốt đẹp cần bảo tồn, đâu là những tập quán lạc hậu cần loại bỏ. Vì vậy, ngoài giải pháp hành chính, pháp luật, địa phương xác định thay đổi nhận thức cộng đồng là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định. Từ đó, công tác tuyên truyền, vận động được triển khai thường xuyên, kiên trì, với nhiều hình thức phù hợp từng đối tượng, từng địa bàn; đồng thời phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, già làng, trưởng thôn, người có uy tín để bà con làm theo.

Nhờ vậy, đến nay những hủ tục như tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, mê tín dị đoan đã dần được loại bỏ; tình trạng tổ chức lễ cưới, ma chay kéo dài nhiều ngày gây tốn kém, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội được hạn chế. Cùng với đó, nhận thức về học tập, chăm sóc sức khỏe và xây dựng gia đình cũng từng bước chuyển biến. Người dân ngày càng quan tâm hơn đến việc học của con em, chủ động tiếp cận các dịch vụ y tế, phòng, chống dịch bệnh và thực hiện các chính sách về dân số, hôn nhân, gia đình.

Không chỉ tập trung vào việc loại bỏ hủ tục trong đời sống, La Lay còn gắn việc thay đổi nếp nghĩ với thay đổi cách thức sản xuất,

sinh hoạt. Thông qua các mô hình dân vận khéo, cán bộ cơ sở “cầm tay chỉ việc”, hướng dẫn người dân thay đổi tập quán canh tác, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước chuyển từ phương thức sản xuất manh mún sang những cách làm phù hợp hơn với điều kiện thực tế. Trong chăn nuôi, người dân được vận động hạn chế thả rông, chuyển sang làm chuồng trại, chăm sóc vật nuôi theo hướng tập trung, chủ động phòng, chống dịch bệnh. Những thay đổi ấy góp phần giúp đồng bào từng bước hình thành tư duy sản xuất mới, nâng cao hiệu quả kinh tế hộ gia đình. Tính đến cuối năm 2025, thu nhập bình quân đầu người của xã La Lay đạt 28,2 triệu đồng/người/năm.

Thực tế cho thấy, xóa bỏ hủ tục không thể chỉ bằng những quy định hay mệnh lệnh hành chính, mà phải bắt đầu từ sự thay đổi trong nhận thức và hành động của mỗi người dân. Điều quan trọng là quá trình ấy không đồng nghĩa với đánh mất bản sắc. Tiếng cồng chiêng, điệu múa, lễ hội và những giá trị văn hóa tốt đẹp vẫn được gìn giữ, trao truyền; những hủ tục gây hệ lụy cho đời sống từng bước được nhận diện và loại bỏ. Khi người dân trở thành chủ thể của sự thay đổi, nếp sống mới được hình thành trên nền tảng văn hóa của chính cộng đồng. Đó cũng là nền tảng để vùng đồng bào DTTS phát triển văn minh, tiến bộ và bền vững hơn.

Những mảnh ký ức

Sau 1975, tuổi thơ của tôi đã có hơn 10 năm sống trong thời bao cấp cho đến công cuộc đổi mới vào năm 1986. Những câu chuyện của thời bao cấp đôi khi bị chìm xuống, nhưng khó nguôi quên mà vẫn ở đâu đó trong một ngăn ký ức. Rồi bất chợt, một câu chuyện nào đó chợt đánh thức tất cả, bùng dậy với những vui buồn, mến thương và xa xót.

thời bao cấp

□ LÊ ĐỨC DỤC

Tấm phiếu vải của “tuổi thơ dữ dội”

Đôi khi nhìn thấy những người xung quanh mình bật điện thoại để theo dõi những phiên livestream bán thời trang trên mạng, chen giữa tiếng giới thiệu những mẫu quần áo là tiếng “chốt”, “chốt”, kèm mã số của các tài khoản vang lên, tôi lại nhớ tới cái phiếu vải gắn với một phần ký ức của tuổi thơ mình.

Thời bao cấp, các gia đình ở thành phố có những loại phiếu khác với vùng nông thôn, gia đình công nhân, viên chức khác với gia đình nông dân, trong đó có một loại phiếu được coi như bảo bối, đó là phiếu vải.

Những năm 1975-1980, các hộ nông dân như gia đình tôi, mỗi nhân khẩu được cấp bình quân 4m vải/1 năm. Bốn mét vải một năm cho mỗi người thì cũng coi như tạm đủ mặc. Nhưng cái phiếu vải 4m ấy không chỉ để mua vải. Nó trở thành một thứ tài sản rất có giá. Nhà tôi ở gần chợ. Vào đầu năm, những hộ dân nhận phiếu để mua vải nhưng chỉ giữ 1-2 phiếu, còn lại sẽ được bán cho các tiểu thương ở chợ. Có người bán phiếu vải để có tiền mua thuốc chữa bệnh, mua sách vở cho con, có người bán để mua những vật dụng cần thiết trong gia đình. Và tất nhiên, gia đình tôi cũng bán đi các tấm phiếu vải đó, thường chỉ để lại 1-2 phiếu dành may quần áo cho mấy anh em tôi vào đầu năm học. Phiếu vải ngày ấy được chia thành từng ô 20-50cm, khi mua sẽ cắt theo các ô sao cho cộng lại vừa đủ chiều dài số vải mình mua. Ví dụ muốn mua 1,2m, trên tấm phiếu 4m ấy sẽ được cắt đi một ô 20cm và 2 ô 50cm, lần mua sau lại cắt tiếp sao cho hết các ô thì thôi.

Tôi nhớ đầu năm học 1978-1979, mẹ giao tôi tấm phiếu vải còn nguyên các ô đủ 4m cầm ra cửa hàng bách hóa để mua vải may áo cho năm học mới. Tôi sung sướng nhét tấm phiếu vào túi quần, chạy tung tăng ra cửa hàng. Đầu năm học, vải mới về, các gia đình chen chúc nhau xếp hàng mua. Chen chúc một hồi, khi đến lượt, tôi thò tay vào túi thì tấm phiếu vải không còn ở đó nữa. Tôi thét lên một tiếng trong vô thức rồi ngồi thụp xuống để tìm. Khi xếp hàng tôi vẫn còn cẩn thận sờ tấm phiếu trong túi quần. Nó bị rơi hay đã bị móc túi? Trong cơn hốt hoảng, tôi chỉ biết sẽ đón nhận một trận đòn từ cha mình. Cha tôi vốn dữ đòn. Nhưng tôi vốn chịu đòn giỏi. Tôi không sợ đòn roi. Nhưng cái phiếu 4m vải đó là “gia tài” lớn với một gia đình nông dân nghèo như gia đình tôi. Mấy anh em tôi sẽ lấy gì để mặc cho cả một năm học trước mắt? Tôi chạy ra bờ



Tấm phiếu vải của thời bao cấp - Ảnh: L.Đ.D



Những nghề của một thời - Ảnh: L.Đ.D

sông, tìm một khóm tre kín và ngồi trốn ở đó. Thấy tôi đi mua vải đến tối vẫn chưa về nhà, mẹ tôi chạy ra đi tìm. Cả nhà cũng túa ra đi tìm. Thằng bé 12 tuổi ngồi ở bờ sông đêm xuống sợ ma nên tự lò dò về nhà. Và dĩ nhiên ở cái xóm chợ nhỏ nhoi ngày ấy, chuyện tôi làm mất tấm phiếu vải là một chuyện kinh động. Nhưng không hiểu sao, lần ấy cha tôi không đánh đòn. Ông chỉ im lặng.

Vậy mà cũng ngót nghét nửa thế kỷ trôi qua. Trong bao nhiêu kỷ ức hoa niên của tôi lại chen vào cái phiếu vải bị làm mất ngày ấy. Kỷ niệm buồn đó giờ đây như cái neo, neo lại trong tôi những tháng năm xa xôi của một thời khốn khó mà giờ đây được nhắc lại với cái từ “thời bao cấp”.

Những nghề “muôn năm cũ” ...

Nhớ lại câu chuyện phiếu vải bị làm mất đã khiến một vùng ký ức níu nhau hiện ra, trong đó có những nghề “muôn năm cũ”. Có những nghề giờ không còn, chỉ đọng lại trong văn chương truyền khẩu. Chắc chưa ai quên mấy cái nghề kỳ lạ này, mà lớp trẻ ngày nay sẽ rất khó hình dung: *“Gia công quy gai xộp/Lộn cổ áo sơ mi/Dán vá ni lông rách/Bơm mực bút chì bi...”*.

Gia công “quy, gai xộp” là nghề gia công đóng hộp giấy cho các loại bánh quy, gai xộp vốn phổ biến ở các đô thị phía Bắc, nơi có các xí nghiệp bánh kẹo thời bao cấp. Còn “lộn cổ áo sơ mi” thì phổ biến hơn những năm của thập niên cuối 70-80 ở khắp hang cùng ngõ hẻm từ thành phố đến làng quê. Như đã nhắc ở trên, phiếu vải đã được đem đi bán cho tư thương để có tiền chi cho việc khác, vì thế cái áo sơ mi cũ để có thể sử dụng lâu dài thì phải có phương pháp làm mới. Thường thì phần cổ áo sơ mi là nơi dễ bị sờn rách nhất do tiếp xúc nhiều. Cái khó là cái khôn, để tái sử dụng, biến sơ mi thành chiếc áo “trông như mới”, những người thợ may đã linh hoạt tháo gỡ đường chỉ nối cổ áo và thân áo, lật phần cổ áo phía sau ra trước. Khi cổ áo lật lại thì phần sờn rách đã bị giấu kín, chiếc áo trông như mới, chỉ phần thân áo là hơi cũ. Nhà tôi ở xóm chợ, từ nhà bước ra vài chục mét là gặp tổ hợp tác thợ may. Mãi mãi trong ký ức tuổi thơ tôi, hình ảnh những người thợ may của tổ hợp tác đang cẩn thận lộn cổ áo cho những khách hàng lam lũ nhiều hơn là việc may thêm những bộ đồ mới. Cả một trời rưng rức thương nhớ hiện về.

Có người nghèo quá, để có cái áo mới mặc đón Tết thì ngay cái áo có cổ bị sờn ấy cũng được để dành, gần Tết mới đem ra thợ “làm đẹp” bằng phương pháp “lộn cổ”.

Ngoài nghề lộn cổ áo sơ mi mà nay đã trở thành quá vãng không thể không nhớ cái nghề “bơm mực bút bi”. Những năm đó, chiếc bút bi được liệt vào hàng văn hóa phẩm cao cấp. Chiếc bút bi thông thường dùng hết mực là vứt đi. Nhưng ở Việt Nam những năm sau 1975, nghèo khó trở thành nỗi ám ảnh. Nghèo khó khiến người dân luôn “thắt lưng buộc bụng”, nên chuyện một cây bút bi dùng xong không thể vứt bỏ âu cũng là lẽ thường. Ruột bút sẽ được súc rửa sạch sẽ và bơm mực vào, mực bút bi thường được sản xuất từ những xưởng của người Hoa, vốn rất lanh lợi trong việc đáp ứng nhu cầu thị trường. Dụng cụ bơm mực chỉ cần một ít bơm kim tiêm, bơm chứa đầy mực và chỉ cần phun từ từ vào thân ngòi bút. Một trong những vật khó sản xuất nhất của bút bi là viên bi đầu bút. Và bằng cách nhờ những thủy thủ tàu viễn dương mang về, vài kilogam bi là có thể sửa được được hàng vạn chiếc bút bi mòn bi.

Sau nghề bơm mực bút bi là nghề dán vá áo mưa. Dán vá áo mưa là gọi chung cho nhiều dạng công việc, thật ra việc chính là dùng nhiệt làm nóng các chất nilon, cao su... để liên kết các phân tử nhựa lại mà thôi. Áo đi mưa bị rách, chỗ rách đó sẽ được cắt phủ lên một miếng nilon khác đủ bao trùm phần cần vá. Người thợ thường dùng một que sắt dẹt hơ trên bếp than nóng, đến đủ độ nóng cần thiết thì miết que sắt ấy lên lớp nilon sao cho độ nóng đủ làm hai lớp được kết dính lại. Dán dép nhựa cũng theo cách tương tự như thế, nhưng cần kỹ thuật cao hơn.

Nói gì thì nói, câu chuyện đổi mới của năm 1986 đã góp phần tạo ra luồng gió mới kích hoạt năng lực sản xuất, tạo ra đột phá kinh tế. Những gương mặt lam lũ dầm dãi lo toan cơm áo chùng đã dễ thở hơn, những chiếc áo sơ mi đã không còn lộn cổ, vải vóc từ các thị trường trên thế giới được mở cửa đối lưu. Những hàng hóa như cà phê, đậu lạc, hạt tiêu của người nông dân theo những con tàu viễn dương đi ra thế giới. Những quần bò Levi's, áo phông theo tàu viễn dương trở về. Những cây bút bi hiệu “BIC” đã xuất hiện trở lại thay cho chiếc tủ gỗ buồn bã dưới gốc sấu già trên đường phố Hà Nội, bên trên gắn tấm biển “bơm mực bút bi”.

“Về sau và nhiều năm sau nữa...”, có một câu hát như thế trong một bản tình ca. Nhưng thật ra đó cũng là nỗi niềm của một thời gian khó. Và chúng ta biết ơn những tháng ngày đó. Biết ơn đất nước đã đi qua nó, bình tâm và lẫm liệt tiến về phía trước để có ngày hôm nay.

Những nghề cũ đã mai một, nhưng đó là một phần lịch sử, đóng đầy trong ngăn ký ức của bao người...

Vững vàng nơi phen dậu Tổ quốc

40 năm đổi mới cũng là chặng đường Bộ đội Biên phòng (BĐBP) Quảng Trị đồng hành với quê hương, vừa làm tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, vừa sát cánh cùng cấp ủy, chính quyền và Nhân dân phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng nông thôn mới, củng cố quốc phòng toàn dân và tăng cường đối ngoại biên phòng. Từ biên giới đất liền đến biển, đảo, những người lính quân hàm xanh góp phần giữ vững bình yên, tạo môi trường thuận lợi để Quảng Trị phát triển.



Tuần tra, bảo vệ chủ quyền vùng biển là nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng Hải An - Ảnh: QUANG NGỌC



Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng Hải An giúp ngư dân đưa tàu thuyền lên bờ, chủ động phòng, chống mưa bão - Ảnh: QUANG NGỌC

□ QUANG NGỌC

Giữ vững bình yên từ những tuyến đầu

Sau khi 2 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị hợp nhất, BĐBP Quảng Trị quản lý tuyến biên giới đất liền dài gần 410km tiếp giáp Lào, tuyến biển hơn 191km cùng khu vực đảo Cồn Cỏ. Địa bàn rộng, địa hình phức tạp, tội phạm xuyên biên giới và các vấn đề an ninh phi truyền thống diễn biến khó lường, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác biên phòng.

Đại tá Đinh Xuân Hùng, Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Ban Chỉ huy BĐBP tỉnh, cho biết: “Sau khi Quảng Bình và Quảng Trị hợp nhất, không gian quản lý, bảo vệ biên giới được mở rộng, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với lực lượng BĐBP. Chúng tôi xác định phải chủ động nắm chắc tình hình, quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia;

đồng thời phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền và Nhân dân xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận lòng dân vững chắc. Thời gian tới, lực lượng BĐBP tiếp tục nâng cao chất lượng đấu tranh phòng, chống tội phạm, quản lý xuất nhập cảnh, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, làm tốt công tác đối ngoại biên phòng; xây dựng lực lượng vững mạnh, đồng hành với địa phương phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển”.

Từ năm 2021 đến nay, BĐBP Quảng Trị tổ chức 1.624 đợt tuần tra đơn phương với hơn 9.300 lượt cán bộ, chiến sĩ và lực lượng phối hợp, 219 đợt tuần tra song phương với lực lượng bảo vệ biên giới Lào; trên biển tổ chức 1.983 đợt tuần tra với 24.842 lượt cán bộ, chiến sĩ. Đơn vị cũng triển khai 307 tổ với 3.663 lượt cán bộ, chiến sĩ ứng phó bão, lũ; cứu nạn thành công 82 vụ, 79 tàu và 319 thuyền

viên. Trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, BĐBP Quảng Trị đã phát hiện, xử lý 5.493 vụ/7.045 đối tượng, khởi tố hình sự 602 vụ/833 đối tượng.

Trên tuyến biên giới đất liền, Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Cha Lo quản lý đoạn biên giới gần 30km với 8 cột mốc. Quốc lộ 12A và Cửa khẩu quốc tế Cha Lo tạo thành tuyến giao thương, đối ngoại quan trọng của tỉnh. Thượng tá Ngô Văn Bình, Chính trị viên Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Cha Lo, trao đổi: “Cha Lo vừa là địa bàn quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, vừa là cửa khẩu quốc tế có hoạt động giao thương, xuất nhập cảnh thường xuyên. Tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, ngày càng thay đổi phương thức, thủ đoạn. Từ năm 2021 đến nay, đơn vị đã xác lập, đấu tranh nhiều chuyên án ma túy lớn, trong đó các chuyên án QT 324, QB 525 và QT 925 thu giữ số lượng lớn ma túy; riêng

chuyên án QT 925 thu giữ 500kg ma túy các loại. Trước tình hình đó, ban chỉ huy đồn xác định phải chủ động nắm chắc tình hình, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, dựa vào Nhân dân để phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với tội phạm; đồng thời làm tốt công tác dân vận, đối ngoại biên phòng, phối hợp với lực lượng bảo vệ biên giới của Lào, góp phần giữ vững địa bàn hòa bình, hữu nghị, ổn định”.

Đồng hành dựng xây biên cương

Cùng với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, BĐBP Quảng Trị chú trọng công tác dân vận, hỗ trợ sản xuất, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Từ năm 2021 đến nay, cán bộ, chiến sĩ đã tham gia hơn 160.000 ngày công giúp dân phát triển kinh tế-xã hội; phối hợp xây dựng, sửa chữa các công trình dân sinh, hỗ trợ giảm nghèo. Đơn vị cũng phối hợp mở 55 lớp xóa mù chữ cho 1.136 học viên, duy trì các chương trình “Nâng bước em tới trường”, “Con nuôi Đồn Biên phòng”, “Xuân Biên phòng ấm lòng dân bản”, “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”. Đồng thời, xây dựng và duy trì 59 tổ với 1.532 hộ, 3.884 thành viên tham gia tự quản đường biên, mốc giới; 738 tổ với 4.839 thành viên tham gia tự quản an ninh, trật tự ở thôn, bản.

Ở bản K-Ai, xã Dân Hóa, già làng Hồ Pheo đã có nhiều năm cùng cán bộ, chiến sĩ biên phòng tuần tra đường biên, cột mốc. Nay tuổi cao, ông vận động con cháu tiếp tục công việc của thế hệ mình. Ông chia sẻ: “Trước đây, tôi cùng bộ đội đi tuần tra đường biên, cột mốc. Đường rừng nhiều đoạn rất khó đi, nhưng mình là người dân ở đây thì phải có trách nhiệm giữ đất, giữ mốc. Nay tuổi cao, tôi bảo con cháu phải tiếp tục công việc đó, cùng bộ đội bảo vệ biên giới, giữ bình yên cho bản làng”.

Từ giữ đất, giữ mốc đến giúp dân ổn định cuộc sống, sự đồng



Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Cha Lo phối hợp với dân quân xã Dân Hóa tăng cường tuần tra, bảo vệ đường biên, mốc giới - Ảnh: QUANG NGỌC

hành của người lính biên phòng hiện diện trong những việc rất cụ thể. Gia đình chị Hồ Nhung, ở bản K-Ai, có hơn 1.200m² ruộng, đã gắn bó với mô hình trồng lúa nước hơn 12 năm qua. Chị Nhung chia sẻ: “Năm nay thời tiết không thuận lợi, mưa ít nên bà con cũng lo lắng. Nhưng nhờ BĐBP thường xuyên xuống đồng hướng dẫn chăm sóc nên lúa chắc hạt, được mùa. Gia đình rất phấn khởi”.

Sau hơn 10 năm triển khai, mô hình đã thu hút 86 hộ dân ở bản K-Ai tham gia trồng lúa nước cùng BĐBP trên diện tích 5ha. Mỗi năm, bà con sản xuất 2 vụ, năng suất đạt khoảng 4-4,5 tấn/ha.

Không chỉ đồng hành với Nhân dân phát triển kinh tế-xã hội, BĐBP Quảng Trị còn góp phần xây dựng quan hệ hữu nghị với nước bạn Lào. Từ năm 2021 đến nay, toàn lực lượng có 17 đồn Biên phòng ký kết nghĩa với các đơn vị bảo vệ biên giới và Công an của Lào; tổ chức nhiều hoạt động giao lưu, hội đàm, tuần tra song phương, trao đổi thông tin và gặp gỡ trên biên giới.

Ở phía biển, Đồn Biên phòng Hải An vừa làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh vùng biển, vừa

đồng hành với chính quyền và Nhân dân. Đơn vị phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân tạo đồng thuận trong triển khai dự án cảng Mỹ Thủy; tổ chức khám, chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí, hỗ trợ các hộ khó khăn, trao con giống và chăm lo trẻ em trên địa bàn.

Trung tá Nguyễn Đình Cường, Đồn trưởng Đồn Biên phòng Hải An, cho biết: “Bảo vệ chủ quyền vùng biển phải gắn với giữ vững an ninh, trật tự giúp Nhân dân yên tâm sản xuất, địa phương có môi trường ổn định để phát triển. Vì vậy, đơn vị luôn chủ động nắm tình hình, phối hợp với cấp ủy, chính quyền và các lực lượng, đồng thời tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh vùng biển”.

Qua 40 năm đổi mới, ở những vùng biên, người lính Biên phòng Quảng Trị vẫn ngày ngày làm nhiệm vụ giữ đất, giữ cột mốc, giữ bình yên cho bản làng và vùng biển quê hương. Cùng với cấp ủy, chính quyền và Nhân dân, những người lính quân hàm xanh tiếp tục vun đắp thế trận lòng dân, giữ vững biên giới hòa bình, hữu nghị, tạo nền tảng để quê hương phát triển.

Thơ và lời bình:

Tổ quốc

*Nếu có thể đo xương máu tiền nhân
Trường Sơn ngút ngàn dễ gì so được
Bao người mẹ, người vợ, người em - nước mắt
Hồng Hà, Cửu Long đầu thế sánh cùng
Bão trường chinh ào ạt mấy ngàn năm...*

*Ào ạt mấy ngàn năm... châu thổ
Những bờ đê chắn lũ, ngăn thù
Cùng bọc trứng các con đi trăm ngã
Vẫn thấm lòng dưa hấu chốn đảo xa*

*Ào ạt mấy ngàn năm, Thánh Gióng
Mới lên ba đã giáp sắt, tre ngà
Câu thơ thần nhuộm đỏ sông Như Nguyệt
Đỏ Bạch Đằng cuộn cuộn sóng bể xa*

*Mấy ngàn năm... Vọng Phu xứ Bắc
Phụ Tử bù nhìn doi đất trời Nam
Những cuộc chia ly, những vành khăn trắng
Chẳng nguôi ngoai dù xác giặc chất chồng*

*Chẳng thể dụ nổi Rạch Gầm, Xoài Mút
Hiền Lương, Khâm Thiên, Sơn Mỹ, Thổ Chu
Máu Vị Xuyên, Gạc Ma bám chặt
Vạn nghĩa trang hương khói nguyện cầu*

*Ôi Tổ quốc, biên cương chưa yên giấc
Đêm quận lòng máu thịt Hoàng Sa
Ngày đỏ mắt Trường Sa giống bão
Lại bút, gươm giữ cõi, xây nhà.*

Nguyễn Thế Kỷ



Minh họa H.H

Nhà văn, nhà báo Nguyễn Thế Kỷ-nguyên Chủ tịch Hội đồng lý luận phê bình văn học nghệ thuật Trung ương là người có nội lực năng lượng sáng tạo phong phú. Ông không chỉ là một nhà lý luận phê bình văn học xuất sắc mà trên lĩnh vực sáng tác, ông là tác giả bộ tiểu thuyết “Nước non vạn dặm” (5 tập) viết về Bác Hồ kính yêu. Ông là người đã biên soạn nhiều tác phẩm sân khấu; là tác giả của những bài thơ hay viết về Trường Sa. Gần đây bài thơ “Tổ quốc” của ông gây được sự chú ý trong dư luận bạn đọc với một cách nhìn riêng, những cung bậc cảm xúc mới mẻ khi viết về một đề tài quen thuộc mà trước đó đã có nhiều tác phẩm nổi tiếng như “Đất nước” (Nguyễn Khoa Điềm) hay “Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng” (Chế Lan Viên).

Mở đầu bài thơ là khổ thơ 5 câu, khác với khổ thơ còn lại là 4 câu, như một cảm hứng dào dạt lan tỏa, như những con sóng giao thoa để rồi lắng lại, đập bồi lớp lớp phù sa cảm xúc, để lắng đọng, để ngân vọng với chiều dài địa danh đất nước và chiều sâu của những trầm tích ký ức lịch sử. Nhà thơ đã đặt câu hỏi: “Nếu có thể đo xương máu tiền nhân/Trường Sơn ngút ngàn dễ gì so được”. Đó là khúc bi tráng hào hùng không chỉ ở trong trang sử vẻ vang chói lọi mà ngay cả trong những số phận bi thương của những con người mà: “Bao người mẹ, người vợ, người em - nước mắt”. Những cuộc chia ly, những ngày đoàn tụ đều gắn với sứ mệnh hồn thiêng Tổ quốc. Câu thơ dậy sóng cùng với cảm hứng trào dâng khi nhà thơ không nén được sự cộng hưởng, hòa vào hình thể cương vực đất đai Tổ quốc: “Ào ạt mấy ngàn năm... châu thổ/Những bờ đê chắn lũ, ngăn thù/Cùng bọc trứng các con đi trăm ngã”. Về với cội nguồn là về với những định vị của Tổ quốc, những truyền thuyết dân gian và lịch sử chính là tấm gương soi chiếu tâm hồn con người. Đó là truyền thuyết An Tiêm: “Vẫn thấm lòng dưa hấu chốn đảo xa”; với Thánh Gióng: “Mới lên ba đã giáp sắt, tre ngà”; với Lý Thường Kiệt: “Câu thơ thần nhuộm đỏ sông Như Nguyệt” và Bạch Đằng giang cuộn sóng. Có thể nói, cảm hứng lịch sử là mạch cảm xúc, là những dư âm vang vọng để tượng hình lên một Tổ quốc mấy nghìn năm chống giặc ngoại xâm. Cảm hứng bi hùng cứ đan xen nhau cung trầm cung bổng, tạo ra một âm hưởng với nhiều sắc thái cung bậc, rồi lắng lại với nhiều chiêm nghiệm khi ông ngẫm ngợi về “Mấy ngàn năm... Vọng Phu xứ Bắc/Phụ Tử bù nhìn doi đất trời Nam”. Phải thật tinh tế nhà thơ nhận ra nước non đã tạc nên “Những cuộc chia ly, những vành khăn trắng”. Đây là một góc nhìn rất nhân văn, nhân hậu: “Chẳng nguôi ngoai dù xác giặc chất chồng”. Nhà thơ đã xứng tên một số địa danh mà nơi đó “Vạn nghĩa trang hương khói nguyện cầu” từ đất liền ra biển, từ Nam ra Bắc. Điều này càng khẳng định, để có Tổ quốc trọn vẹn hôm nay, chúng ta đã đổ bao xương máu và không thể nào quên những người đã ngã xuống.

Khổ thơ cuối: “Ôi Tổ quốc, biên cương chưa yên giấc” và “Ngày đỏ mắt Trường Sa giống bão” là khúc vĩ thanh cao trào của lòng yêu nước, của cảnh giới cao độ khi “Lại bút, gươm giữ cõi, xây nhà”. Trong thơ Nguyễn Thế Kỷ, Tổ quốc hiện lên thật đẹp. Đó là một Tổ quốc huy hoàng quật cường, một Tổ quốc cội nguồn bền vững và một Tổ quốc thật da diết và dạt dào ân tình trong cảm hứng sử thi lan tỏa và sâu lắng...

NGUYỄN NGỌC PHÚ



Biển Cửa Tùng nhìn từ trên cao - Ảnh: H.H

